

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6646/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tại Tờ trình số 2560/TTr-BQL ngày 27/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 50 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thay thế Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 của UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Các đ/c PCT UBND TP: Nguyễn Trọng Đông, Dương Đức Tuấn, Nguyễn Mạnh Quyền;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- VPUBTP: CVP, PCVP: V.T.Anh, N.M.Quân;
- các phòng: TH, Đô thị, TNMT, KTN, KSTTHC; TTĐT;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố;
- Trung tâm báo chí Thủ đô;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Minh Hải



Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU VÙNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

| STT | Tên Quy trình | Ký hiệu |
|----------|---|---------|
| I | LĨNH VỰC ĐẦU TƯ | |
| 1 | Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf (Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32) | QT-01 |
| 2 | Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP | QT-02 |
| 3 | Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP | QT-03 |
| 4 | Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư | QT-04 |
| 5 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | QT-05 |
| 6 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý | QT-06 |
| 7 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý | QT-07 |
| 8 | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư | QT-08 |
| 9 | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm | QT-09 |
| 10 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý | QT-10 |
| 11 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý | QT-11 |
| 12 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý | QT-12 |

| | | |
|-----------|---|-------|
| 13 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý | QT-13 |
| 14 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) | QT-14 |
| 15 | Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) | QT-15 |
| 16 | Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư | QT-16 |
| 17 | Thủ tục Ngừng hoạt động của dự án đầu tư | QT-17 |
| 18 | Thủ tục Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư | QT-18 |
| 19 | Thủ tục Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | QT-19 |
| 20 | Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | QT-20 |
| 21 | Thủ tục Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài | QT-21 |
| 22 | Thủ tục Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | QT-22 |
| 23 | Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | QT-23 |
| II | LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG | |
| 24 | Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | QT-24 |
| 25 | Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép điều chỉnh Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | QT-25 |
| 26 | Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | QT-26 |
| 27 | Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | QT-27 |

| | | |
|------------|--|-------|
| 28 | Thủ tục Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | QT-28 |
| III | LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG | |
| 29 | Thủ tục Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp trong Khu công nghiệp | QT-29 |
| 30 | Thủ tục Đăng ký kế hoạch đưa người lao động thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày | QT-30 |
| IV | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG | |
| 31 | Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | QT-31 |
| 32 | Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | QT-32 |
| 33 | Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | QT-33 |
| 34 | Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. | QT-34 |
| | <i>Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi được tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH13 như sau:</i> | |
| 34.1 | Dự án nhóm A | |
| | Dự án nhóm B | |
| | Dự án nhóm C | |
| 34.2 | <i>Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng được giao thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thuộc trách nhiệm của Người quyết định đầu tư, thời gian thẩm định kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ như sau:</i> | |

| | | |
|----------|---|-------|
| | Dự án nhóm A | |
| | Dự án nhóm B | |
| | Dự án nhóm C | |
| 35 | Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. | QT-35 |
| | - Công trình cấp I và cấp đặc biệt | |
| | - Công trình cấp II và cấp III | |
| | - Công trình còn lại | |
| 36 | Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | QT-36 |
| 37 | Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | QT-37 |
| 38 | Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành). | QT-38 |
| 39 | Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh | QT-39 |
| 40 | Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh | QT-40 |
| 41 | Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | QT-41 |
| V | LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | |
| | TTHC về môi trường cấp tỉnh | |

| | | |
|----|--|-------|
| 42 | Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | QT-42 |
| 43 | Thủ tục Cấp giấy phép môi trường | QT-43 |
| 44 | Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường | QT-44 |
| 45 | Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | QT-45 |
| 46 | Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường | QT-46 |
| | TTHC về môi trường cấp huyện | |
| 47 | Thủ tục Cấp giấy phép môi trường | QT-47 |
| 48 | Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường | QT-48 |
| 49 | Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | QT-49 |
| 50 | Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường | QT-50 |

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BỔ SUNG CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

((Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-BQL ngày ... / ... /2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

| STT | Tên Quy trình |
|-----------|--|
| IV | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH - XÂY DỰNG |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng |

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Tờ trình số ... /TTr-BQL ngày ... / ... /2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

| STT | Tên Quy trình |
|------------|---|
| III | LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG |
| 1 | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài làm việc trong Khu công nghiệp |
| 2 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động |
| 3 | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |
| 4 | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |
| 5 | Gia hạn Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |



Phụ lục 2

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I- LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ**1. Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư của ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư) (QT-01)**

| | |
|-----|---|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư). |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. |
| 3 | Nội dung quy trình: |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý <ul style="list-style-type: none">- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;- Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại |

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| | Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận trường hợp do Nhà đầu tư đề xuất; Hoặc Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư trường hợp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập; | X | |
| | 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | X |
| | 3. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; | | X |
| | 4. Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư; | X | |
| | 5. Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; | | X |
| | 6. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; | X | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|--|
| | 7. Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; | X | | |
| | 8. Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). | | X | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 04 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. - Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày. - Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến (triển khai theo lộ trình). | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 02 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho | - Chuyên viên, Lãnh đạo | 01 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ |

| | | | | |
|--------|---|--|----------|---|
| | <p>Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | <p>phòng QLĐT</p> <p>- Các Sở, Ngành</p> | | <p>(Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>-Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> |
| Bước 3 | <p>Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư.</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 15 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>-Văn bản trả lời của các Sở, Ngành.</p> |
| Bước 4 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng.</p> | <p>Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 02 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> |
| Bước 5 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ Lãnh</p> | <p>Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 0,5 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|----------|--|
| | đạo Ban xem xét | Lãnh đạo Ban | | (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố (kèm theo hồ sơ). | UBND Thành phố | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Văn bản gửi UBND Thành phố. - Dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. |
| Bước 7 | UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 07 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 02 giờ | - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ | | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư |

| | | | | |
|----------|---|--|--|---|
| | theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | | | <p>01/2018/TT-VPCP)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT. - Đề xuất dự án đầu tư (Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất) theo Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Dự án đầu tư thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư.
- Các điều kiện đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf.

Mẫu A.I.1**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư***(Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi:(Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân¹) số:.....; ngày cấp; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức²) số: ... ; ngày cấp: ;

Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.³):

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|-----------|------------|-----------------|-----------|
| | | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | | |

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam): ..

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính: Ngày sinh: Quốc tịch:

Chức danh:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP** (bắt buộc đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)**1. Tên tổ chức kinh tế:****2. Loại hình tổ chức kinh tế**

3. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng và tương đương(bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|
| | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | |

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

| TT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|----|--------------------|--|--|
| | | | |

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m² hoặc ha);

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m² (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:.... m²;

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:.... m²;

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở:căn;

- Quy mô dân số: người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:(có/không);

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:(có/không);

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:(có/không);

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương.....(bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Vốn huy động:(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:
- + Vốn vay từ các tổ chức tín dụng:
- + Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác:
- + Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn):
- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn (*) | Tiền độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*) Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

6. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn (như ở mục 4.2);

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2. Các văn bản quy định tại các khoản 2, 3 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có).

3. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

..., ngày.....tháng.....năm....

Nhà đầu tư

(Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

Mẫu A.I.3

Đề xuất dự án đầu tư
(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất)
(Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư (Ghi tên từng nhà đầu tư theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư)

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (*nếu có*): (Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu/ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: ghi chi tiết như nội dung tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất*).

2.1. Địa điểm khu đất: giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, diện tích, ranh giới, vị trí địa lý*):

2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ diện tích đất và cơ cấu sử dụng đất, thời hạn, tỷ lệ sử dụng đất của từng hạng mục công trình*)

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (nếu có)

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có).

4. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

8. Giải trình việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

9. Đối với dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

10. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, nếu có).

11. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu (*nếu có*)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất (*nếu có*)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (*nếu có*)

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt (*nếu có*)

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (*nếu có*)

... .., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu A.II.1**Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư***(Khoản 6 Điều 32, khoản 5 Điều 33, điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ¹**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có) và ý kiến của các cơ quan liên quan,

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... thángnăm..... của ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với các nội dung sau đây:

1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

2. Tên dự án (nếu có):

3. Mục tiêu dự án:

¹Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

4. Quy mô dự án²:

5. Vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):.....

6. Thời hạn hoạt động của dự án: năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất)

7. Địa điểm thực hiện dự án:

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và tiến độ dự kiến huy động các nguồn vốn;

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

- Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

9. Công nghệ áp dụng (nếu có):

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):

Ghi rõ hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có).

11. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư (nếu có):.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

a)

b)

2. Giao.....tổ chức đấu giá (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất), chịu trách nhiệm về tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật xã hội hóa,

² Đối với dự án có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ: Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương, nếu có

pháp luật chuyên ngành (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu thầu).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư:.....
2.(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ
(ký tên/đóng dấu)

2. Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (QT-02)

| | | | |
|-----|--|-----------|---------|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ.</p> | | |
| 2 | <p>Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục cấp chấp thuận chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> | | |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | <p>Thành phần hồ sơ</p> | Bản chính | Bản sao |
| | <p>1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận trường hợp do Nhà đầu tư đề xuất;</p> <p>Hoặc Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư trường hợp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập;</p> | X | |

| | | | |
|------------|--|---|---|
| | 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | X |
| | 3. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; | | X |
| | 4. Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư; | X | |
| | 5. Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; | | X |
| | 6. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyên gia công nghệ; | X | |
| | 7. Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; | X | |
| | 8. Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 04 (bốn) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|--|
| | <p>20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. - Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến (triển khai theo lộ trình). | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở,</p> | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 1,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. |

| | | | | |
|--------|--|--|----------|--|
| | <p>ngành chuyên môn;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | | | |
| Bước 3 | <p>Các Sở, Ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư.</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> <p>Các Sở, Ngành</p> | 15 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Văn bản trả lời của các Sở, Ngành.</p> |
| Bước 4 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư.</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 02 ngày | <p>- Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> |
| Bước 5 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét.</p> | <p>Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 0,5 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> |
| Bước 6 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận</p> | <p>Lãnh đạo Ban</p> | 02 giờ | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu</p> |

| | | | | |
|----------|---|---|----------|---|
| | <p>chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng QLĐT</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | | | <p>tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> |
| Bước 7 | <p>Phòng Quản lý đầu tư Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ.</p> | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 0,5 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do). <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Mẫu A.I.1**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư***(Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi:(Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân¹) số:.....; ngày cấp; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức²) số: ... ; ngày cấp: ;

Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.³):

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|-----------|------------|-----------------|-----------|
| | | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | | |

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam): ..

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính: Ngày sinh: Quốc tịch:

Chức danh:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP** (bắt buộc đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)**1. Tên tổ chức kinh tế:****2. Loại hình tổ chức kinh tế**

3. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng và tương đương(bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|
| | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | |

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

| TT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|----|--------------------|--|--|
| | | | |

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m² hoặc ha);

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m² (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:.... m²;

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:.... m²;

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở:căn;

- Quy mô dân số: người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:(có/không);

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:(có/không);

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:(có/không);

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương.....(bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Vốn huy động:(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:
- + Vốn vay từ các tổ chức tín dụng:
- + Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác:
- + Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn):
- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn (*) | Tiền độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*) Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

6. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn (như ở mục 4.2);

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2. Các văn bản quy định tại các khoản 2, 3 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có).

3. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

..., ngày.....tháng.....năm....

Nhà đầu tư

(Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

Mẫu A.I.3**Đề xuất dự án đầu tư***(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất)**(Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ***(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Ngày tháng ... năm...)***I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Nhà đầu tư (Ghi tên từng nhà đầu tư theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư)

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư *(nếu có)*: (Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu/ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:** ghi chi tiết như nội dung tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư**2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất** *(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).*2.1. Địa điểm khu đất: giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, diện tích, ranh giới, vị trí địa lý)*:2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất *(nêu rõ diện tích đất và cơ cấu sử dụng đất, thời hạn, tỷ lệ sử dụng đất của từng hạng mục công trình)*

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (nếu có)

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có).

4. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

8. Giải trình việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

9. Đối với dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

10. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, nếu có).

11. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu (*nếu có*)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất (*nếu có*)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (*nếu có*)

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt (*nếu có*)

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (*nếu có*)

... .., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu A.II.1**Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư***(Khoản 6 Điều 32, khoản 5 Điều 33, điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;**Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có) và ý kiến của các cơ quan liên quan,**Xét báo cáo thẩm định số ngày..... thángnăm..... của ;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với các nội dung sau đây:**1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư** (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)**2. Tên dự án (nếu có):****3. Mục tiêu dự án:**

4. Quy mô dự án³:.....

5. Vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):.....

6. Thời hạn hoạt động của dự án: năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất)

7. Địa điểm thực hiện dự án:

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và tiến độ dự kiến huy động các nguồn vốn;

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

- Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

9. Công nghệ áp dụng (nếu có):

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):

Ghi rõ hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có).

11. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư (nếu có):.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

a)

b)

2. Giao.....tổ chức đấu giá (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất), chịu trách nhiệm về tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật xã hội hóa,

³ Đối với dự án có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ: Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương, nếu có

pháp luật chuyên ngành (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu thầu).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư:
2.(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ
(ký tên/đóng dấu)

3. Thủ tục Chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (QT-03)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; | X | |
| | 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | X |
| | 3. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ | | X |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; | | | |
| | 4. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; | X | | |
| | 5. Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; | X | | |
| | 6. Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 04 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. - Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến (triển khai theo lộ trình). | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 02 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|--|----------|---|
| | - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | | | - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 1,5 ngày | <p>-Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT Các Sở, Ngành | 15 ngày | <p>-Văn bản trả lời của các Sở, Ngành.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT | 02 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định</p> |

| | | | | |
|--------|---|----------------------------------|----------|---|
| | Lãnh đạo Phòng | | | chấp thuận nhà đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng QLĐT | 0,5 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phê duyệt Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận nhà đầu tư và trả kết quả cho Phòng QLĐT - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Quyết định chấp thuận nhà đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 7 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Quyết định chấp thuận nhà đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư |

| | | | | |
|----------|---|--|--|-------------------|
| | | | | 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo Mẫu A.I.5 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo Mẫu A.II.5 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Mẫu A.I.5

Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư
(Khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư, các khoản 1 và 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Kính gửi:(Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

Nhà đầu tư đề nghị chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁴ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax:Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁵ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

⁴ Là một trong các loại thông tin hoặc giấy tờ sau: Số định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁵ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):.....

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2

3. Tỷ lệ (dự kiến) về vốn góp của các nhà đầu tư (trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên).

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|------------|--------------------------|-----------|
| | | VNĐ | Tương đương USD (nếu có) | |
| | | | | |
| | | | | |

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (đã được chấp thuận chủ trương đầu tư)

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đã cấp số...../QĐ.....ngày.....

2. Nội dung dự án:

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Tiên độ:
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (do nhà đầu tư đề xuất khi tham gia đấu giá/đầu thầu)

1. **Vốn đầu tư của dự án** (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

2. **Tiến độ thực hiện dự án:**

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp (Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn - ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn (*) | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,*

Vốn huy động (dự kiến):

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1..... (tên nhà đầu tư) cam kết thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương tại Quyết định số...../QĐ.... ngày..... theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại các điểm b, c, e,g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư.

2. Các tài liệu khác có liên quan.

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu A.II.5**Quyết định chấp thuận nhà đầu tư**

(Khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư, điểm đ khoản 2 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm...)

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 21 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ chấp thuận chủ trương số..... ngày.... tháng... năm....;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định về việc đấu giá / đấu thầu số ngày..... thángnăm.... của;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận(tên Nhà đầu tư) là nhà đầu tư thực hiện dự án(tên dự án) đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.....ngày của (cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) với nội dung như sau:

Điều 1. Thông tin về Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁶ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax:Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁷ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website (nếu có):

Nhà đầu tư tiếp theo(nếu có): ghi tương tự như tại mục 1 và 2 ở trên.

3. Tỷ lệ (dự kiến) về vốn góp của các nhà đầu tư (trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên).

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|------------|--------------------------|-----------|
| | | VND | Tương đương USD (nếu có) | |
| | | | | |
| | | | | |

Điều 2. Thông tin về Dự án đầu tư theo kết quả trúng đấu giá/đấu thầu

1. Vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

- Vốn huy động:(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

⁶ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁷ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

2. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp (Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn - ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn (*) | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| | | VND | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

- Vốn huy động (dự kiến):

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của dự án:năm(được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất)

Điều 4. Quyết định này được cấp cho (tên nhà đầu tư); một bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trong trường hợp dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư); một bản gửi (tên cơ quan tổ chức đấu giá/tên cơ quan tổ chức đấu thầu) và một bản được lưu tại (tên cơ quan đăng ký đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu))

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (QT-04)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; | X | |
| | 2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | X |
| | 3. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ | | X |

| | | | |
|------------|---|---|---|
| | tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; | | |
| | <p>4. Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> | X | |
| | 5. Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; | | X |
| | 6. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; | X | |
| | 7. Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. | X | |
| | 8. Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công TP Hà Nội hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 01 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên. Chuyên viên kiểm tra nội dung, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ: +Nếu hồ sơ hợp lệ chuyển sang bước 3; +Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyên viên trả hồ sơ cho Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | Lãnh đạo Phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư. | 01 ngày | -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư tổng hợp báo cáo thẩm định dự án; dự | Chuyên viên Phòng Quản | 01 ngày | -Tổng hợp báo cáo. -Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|--|
| | thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | lý Đầu tư | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 02 giờ | - Tổng hợp báo cáo. - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Phê duyệt Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 0,5 ngày | - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu A.I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT. - Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu A.I.4 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu A.II.8 ban hành kèm theo Thông tư | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 của Luật Đầu tư và điều ước quốc tế về đầu tư;
- Có địa điểm thực hiện dự án đầu tư được xác định trên cơ sở bản sao hợp lệ giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc bản sao hợp lệ thỏa thuận thuê địa điểm hoặc văn bản, tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;
- Dự án đầu tư phù hợp với các quy hoạch theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;
- Đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nếu có), số lượng lao động sử dụng (nếu có);
- Đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Mẫu A.I.6

Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Các khoản 2 và 4 Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư có dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số ... và đã trúng đấu giá, trúng thầu tại Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số... /Nhà đầu tư được chấp thuận theo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, nay đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)¹ số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:.....
 ... (Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)² số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp:
 Địa chỉ trụ sở:
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....
 Điện thoại:..... Fax:..... Email: Website (nếu có):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Quốc tịch: Chức danh:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Địa chỉ:

4. Vốn điều lệ:..... (bằng chữ) đồng và tương đương..... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá ngày..... của).

5. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|
| | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | |

III. NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ/QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TRÚNG ĐẤU GIÁ HOẶC QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ/QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ.

1. Thông tin về các Quyết định đã cấp:

| STT | Tên Quyết định | Số Quyết định | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------------|---------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung dự án

- Tên dự án:.....
- Mục tiêu:.....
- Tổng vốn đầu tư.....
- Quy mô dự án:
- Địa điểm:.....
- Tiến độ:
- Thời hạn dự án:.....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư / Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư / Quyết định chấp thuận nhà đầu tư / Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 2 và 4 Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.
2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.I.4**Đề xuất dự án đầu tư⁸**

*(Dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)
(Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|------------|---------------------------------|--|--|
| 1 | <i>(Ngành kinh doanh chính)</i> | | |
| 2 | | | |

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

⁸ Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có)

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha)

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch).

- Công suất thiết kế

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...)

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:..... m^2 ;

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:..... m^2 ;

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: căn;

- Quy mô dân số: người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(có/không);

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(có/không);

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(có/không);

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

- + Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :
- + Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :
- + Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :
- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn (*) | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| | | VND | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*) Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

9. Thông tin về đất đai (nếu có)

a) Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai:

b) Điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất

c) Dự kiến nhu cầu sử dụng đất

10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan (nếu có)

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

12. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

13. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có)

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt (nếu có)

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có)

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu A.II.8
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Trường hợp cấp mới)
(Khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án:

Chứng nhận lần đầu: ngày..... tháng..... năm

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư.... sốngày.....của.... (nếu có);

Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư số.... ngày....của... (nếu có);

Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư số..... ngày..... của..... (nếu có);

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư/các nhà đầu tư nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung (nếu có) nộp ngày,

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁹ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)¹⁰ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

(Trong trường hợp có từ 05 nhà đầu tư trở lên, cơ quan đăng ký đầu tư có thể lựa chọn ghi danh sách nhà đầu tư trong phụ lục đính kèm).

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

⁹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

¹⁰ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư (ghi bằng chữ in hoa):

2. Mục tiêu dự án:

| S TT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----------------|-------------------------------|--|--|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | |
| 2 | | | |

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là:.....(bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| TT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn | Tiến độ góp vốn |
|-----------|-------------------------------|-------------------|----------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ,

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có)

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (nếu có):

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):.....

3.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành (bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:.... (tên cơ quan đăng ký đầu tư) và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

5. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (QT-05)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; | X | |
| | 3. Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức; | X | |
| | 4. Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). | X | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|--|
| | 04 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. - Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc. - Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến (triển khai theo lộ trình). | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 02 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên. Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ: + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|--|----------|---|
| | <p>Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | | | |
| Bước 3 | <p>Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư.</p> | <p>- Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> <p>- Các Sở, Ngành</p> | 15 ngày | <p>-Văn bản trả lời của các Sở, Ngành.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 02 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>-Văn bản ý kiến gửi UBND Thành phố.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 5 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét.</p> | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư</p> | 0,5 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>-Văn bản ý kiến gửi UBND Thành phố.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá</p> |

| | | | | |
|--------|---|----------------------------------|----------|---|
| | | | | trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố (kèm theo hồ sơ). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản ý kiến gửi UBND Thành phố. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 7 | UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | UBND Thành phố | 07 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ |

| | | | | |
|----------|--|--|--|---|
| | | | | <p>(Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh khác) theo Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và được nhà đầu tư thực hiện điều chỉnh thuộc một trong các trường hợp:

- Thay đổi mục tiêu đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; bổ sung mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng trên 10% hoặc trên 30 ha, thay đổi địa điểm đầu tư;

- Thay đổi tổng vốn đầu tư từ 20% trở lên làm thay đổi quy mô dự án đầu tư;

- Kéo dài tiến độ thực hiện dự án đầu tư mà tổng thời gian đầu tư dự án vượt quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu;

- Điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

- Thay đổi công nghệ đã được thẩm định, lấy ý kiến trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Thay đổi nhà đầu tư của dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư trước khi dự án khai thác, vận hành hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, nhà ở, đô thị và xây dựng trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/01/2021) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

Mẫu A.I.11.h
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp điều chỉnh khác)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có), nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số:.; ngày cấp ...; Cơ quan cấp: ..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (áp dụng đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, khi chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung

chấp thuận chủ trương đầu tư - thuộc các trường hợp quy định tại điểm a,b,c,d,đ,e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư).

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*) (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương):

- Nay đề nghị sửa thành:.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

2. Nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:.....

- Lý do điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của
Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(*nếu có*).

Mẫu A.I.12

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày..tháng...năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (*nêu tên của tổ chức*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày.... tháng.... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021*):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn*):

- Vốn huy động (*ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn*) trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (*ghi rõ nguồn*) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (*nếu có*):

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (*nếu có*);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (*nếu có*);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có):

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động...

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunucngoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba.....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng...và các quy định pháp luật khác

... .., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.2

Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ¹¹**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ¹²

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

¹¹ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

¹² Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

6. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (QT-06)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; | X | |
| | 3. Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức; | X | |
| | 4. Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). | X | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | 04 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. - Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến (triển khai theo lộ trình). | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 02 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên. Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ: + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 1,5 ngày | -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|---|--|----------|---|
| | <p>chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | | | |
| Bước 3 | <p>Các Sở, Ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư.</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT Các Sở, Ngành</p> | 15 ngày | <p>-Văn bản trả lời của các Sở, Ngành.</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 02 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 5 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét.</p> | <p>Lãnh đạo Phòng QLĐT</p> | 0,5 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|--|
| Bước 6 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng QLĐT</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 7 | <p>Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ.</p> | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh khác) theo Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.</p> <p>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 hoặc Mẫu A.II.4 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> | | | |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|--|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý và được nhà đầu tư thực hiện điều chỉnh thuộc một trong các trường hợp:

- Thay đổi mục tiêu đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; bổ sung mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng trên 10% hoặc trên 30 ha, thay đổi địa điểm đầu tư;

- Thay đổi tổng vốn đầu tư từ 20% trở lên làm thay đổi quy mô dự án đầu tư;

- Kéo dài tiến độ thực hiện dự án đầu tư mà tổng thời gian đầu tư dự án vượt quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu;

- Điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

- Thay đổi công nghệ đã được thẩm định, lấy ý kiến trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Thay đổi nhà đầu tư của dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư trước khi dự án khai thác, vận hành hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, nhà ở, đô thị và xây dựng trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/01/2021) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

Mẫu A.I.11.h
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp điều chỉnh khác)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có), nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số:.; ngày cấp ...; Cơ quan cấp: ..
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (áp dụng đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, khi chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung

chấp thuận chủ trương đầu tư - thuộc các trường hợp quy định tại điểm a,b,c,d,đ,e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư).

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương):

- Nay đề nghị sửa thành:.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

2. Nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:.....

- Lý do điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của
Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có).

Mẫu A.I.12

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (*nêu tên của tổ chức*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày.... tháng.... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021*):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn*):

- Vốn huy động (*ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn*) trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (*ghi rõ nguồn*) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (*nếu có*):

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (*nếu có*);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (*nếu có*);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có):

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động...

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunucngoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba.....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng...và các quy định pháp luật khác

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.4

Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư
(Khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư, các Điều 44, 45 và 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số.....do.....cấp ngày.....

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... thángnăm..... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án(tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày.....với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư /Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư /Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1.
2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư số do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(tên cơ quan, tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho (tên nhà đầu tư) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ
TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

7. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-07)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu | | X |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|--|
| | tư, tên nhà đầu tư đối với Thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. | | | |
| | 3. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; | X | | |
| | 4. Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức; | X | | |
| | 5. Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. - 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn. - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |

| | | | | |
|--------|--|---|--|---|
| | TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | | | |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên kiểm tra nội dung, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+Nếu hồ sơ hợp lệ chuyển sang bước 3;</p> <p>+Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyên viên trả hồ sơ cho Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | <p>Lãnh đạo phòng,</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư.</p> | <p>- 01 ngày đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư.</p> <p>- 02 ngày đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy CNDKĐT.</p> | <p>-Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư tổng hợp báo cáo thẩm định dự án; dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư</p> | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư</p> | <p>- 0,5 ngày đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư.</p> <p>- 2,5 ngày đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy CNDKĐT.</p> | <p>-Tổng hợp báo cáo.</p> <p>-Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét.</p> | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư</p> | <p>- 01 giờ đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư.</p> | <p>-Tổng hợp báo cáo.</p> <p>-Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |

| | | | | |
|----------|---|----------------------------------|--|--|
| | | | - 05 giờ đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy CNDKĐT. | |
| Bước 5 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | Lãnh đạo Ban | - 01 giờ đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. - 02 giờ đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy CNDKĐT. | -Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | - 01 giờ đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. - 0,5 ngày đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy CNDKĐT. | -Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | 1. Biểu mẫu: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Trường hợp điều chỉnh khác</i>) theo | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh Mẫu A.II.9 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Mẫu A.I.11.h
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp điều chỉnh khác)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có), nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số:.; ngày cấp ...; Cơ quan cấp: ..
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (áp dụng đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, khi chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung

chấp thuận chủ trương đầu tư - thuộc các trường hợp quy định tại điểm a,b,c,d,đ,e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư).

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*) (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương):

- Nay đề nghị sửa thành:.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

2. Nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:.....

- Lý do điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của
Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(*nếu có*).

Mẫu A.II.9**Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***(Trường hợp điều chỉnh)**(Các điều thuộc Mục 4 Chương IV Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ¹³**

Mã số dự án:

*Chứng nhận lần đầu: Ngàythángnăm**Chứng nhận điều chỉnh lần thứ.....: Ngàythángnăm**Căn cứ Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư... sốngày.....của.... (nếu có);**Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư số.... ngày....của... (nếu có);**Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư số..... ngày..... của..... (nếu có);**Căn cứ bản án của Tòa án/quyết định của Trọng tài (nếu có);**Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh sốdo cấp ngày**Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;**Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do.... nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),*

¹³ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận:

Dự án đầu tư(tên dự án); mã số dự án....., do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm; được đăng ký điều chỉnh (ghi tóm tắt nội dung xin điều chỉnh, VD: tăng vốn đầu tư, thay đổi mục tiêu hoạt động của dự án). (bổ sung cho mẫu QĐ CTCT điều chỉnh)

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

1. Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số: ...; ngày cấp:; Cơ quan cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

(Trong trường hợp có từ 05 nhà đầu tư trở lên, cơ quan đăng ký đầu tư có thể lựa chọn ghi danh sách nhà đầu tư trong phụ lục đính kèm).

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: (ghi tên Tổ chức kinh tế), giấy tờ pháp lý của tổ chức số:..... do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....; Mã số thuế:

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

2. Mục tiêu dự án:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|--------------------------|--|--|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | |
| 2 | | | |

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là:.....(bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ,

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có):.....

5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (nếu có):

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án *(nếu có)*:.....

3.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sốdo*(tên cơ quan)* cấp ngày

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành *(bằng chữ)* bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:.... *(tên cơ quan đăng ký đầu tư)* và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

*(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)*

8. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-08)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; | X | |
| | 3. Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư; | X | |

| | | | | |
|------------|--|--------------------|------------------|-------------------------|
| | 4. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng; | | | X |
| | 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); | | | X |
| | 6. Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC); | | | X |
| | 7. Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 04 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý. - 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. + Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc. + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |

| | | | | |
|--------|---|--|---------|--|
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. - Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng QLĐT Các Sở, Ngành | 15 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trả lời của các Sở, Ngành. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản | Chuyên viên, | 02 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp ý |

| | | | | |
|--------|---|-------------------------------|----------|--|
| | lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | | kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng QLĐT | 0,5 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ: + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 7 | UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban. | UBND Thành phố | 07 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|----------|---|----------------------------------|----------|--|
| | - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | | | |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.20 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư, cụ thể:

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Dự án đầu tư hoặc phần dự án đầu tư chuyển nhượng không bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư;

b) Nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án đầu tư, một phần dự án đầu tư phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư;

c) Điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

d) Điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án bất động sản;

đ) Điều kiện quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có);

e) Khi chuyển nhượng dự án đầu tư, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp trước khi thực hiện việc điều chỉnh dự án đầu tư.

2. Trường hợp đáp ứng điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư thực hiện như sau:

a) Đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư được chấp thuận theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tại Điều 41 của Luật Đầu tư;

b) Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a mục này, việc chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản cho nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư sau khi chuyển nhượng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, nhà ở, đô thị và xây dựng trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/01/2021) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

Mẫu A.I.11.a**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Trường hợp chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư)
(Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹⁴

(Trường hợp chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư)

Kính gửi:(Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án trong trường hợp chuyển nhượng một phần (*hoặc toàn bộ*) dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (*nếu có*) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ CHUYỂN NHƯỢNG**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*¹⁵ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam – *nếu có*):

Địa chỉ thường trú:

¹⁴ Trường hợp việc chuyển nhượng thuộc quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, thì Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được thay thế bằng văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư tại Biểu mẫu A.I.11.b của Thông tư này.

¹⁵ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*¹⁶ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên

II. NHÀ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*⁴ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

¹⁶ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁵ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:...

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

⁵ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Tiến độ:
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:

IV. DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)

1. Nội dung dự án dự kiến chuyển nhượng cho Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng:

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:.....
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:
- Hiện trạng đang thực hiện:.....

2. Nội dung dự án còn lại của Nhà đầu tư chuyển nhượng

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:.....
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:
- Hiện trạng đang thực hiện:.....

V. GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Lý do, cơ sở đề nghị chuyển nhượng:

2. Giải trình về việc đáp ứng các điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật Đầu tư.

VI. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại Biểu A.I.11.h Phụ lục này.

VII. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu việc chuyển nhượng dự án không được chấp thuận.

VIII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo khoản 5 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu có liên quan khác *(nếu có)*.

... .., ngày tháng năm ...

**Nhà đầu tư nhận chuyển
nhượng**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ
tên, chức danh và đóng dấu *(nếu
có)*

Nhà đầu tư chuyển nhượng

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu *(nếu có)*.

Mẫu A.I.20

Báo cáo thực hiện dự án đầu tư
(Các điểm b và c khoản 2 Điều 37, Điều 72 Luật Đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức số:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:.....

4. Địa chỉ trụ sở chính:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

Điện thoại: Fax:..... Email:..... Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC* (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|--------------------------|--|---|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | |
| 2 | | | |

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

6. Vốn điều lệ: (bằng số) đồng và tương đương (bằng số) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

7. Tỷ lệ góp vốn của từng nhà đầu tư:

| STT | Tên nhà đầu tư | Quốc tịch | Số vốn góp | | |
|-----|----------------|-----------|------------|-----------------|-----------|
| | | | VND | Tương đương USD | Tỷ lệ (%) |
| | | | | | |

II. Báo cáo thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

1. Tên dự án đầu tư:
2. Số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:.....
3. Mục tiêu dự án:

4. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha)
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch).
- Công suất thiết kế
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...)

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:..... m^2 ;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:..... m^2 ;
- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: căn;
- Quy mô dân số: người;
- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(có/không);
- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(có/không);
- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(có/không);

5. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

6. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

7. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng số) đồng và tương đương (bằng số) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

8. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày

9. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện *(ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký)*, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :.....

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :.....

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :.....

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

10. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ lúc dự án triển khai đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

11. Số lao động sử dụng (tính từ lúc dự án triển khai)

Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (*nếu có*); mức thu nhập bình quân của người lao động

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính (tính từ lúc dự án triển khai)

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (*nếu có*):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (*nếu có*): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

13. Việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng... và các quy định pháp luật khác

14. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đang được hưởng (*nếu có*).

15. Các khó khăn và những kiến nghị cần giải quyết (*nếu có*):

III. TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.II.2**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ¹⁷

(cấp lần đầu: ngày..... tháng..... năm.....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

¹⁷ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:.....”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:.....”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

9. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-09)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; | | X |
| | 3. Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc | | X |

| | | | |
|------------|---|--|---|
| | hợp đồng mua bán nợ (nếu có); | | |
| | 4. Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có); | | X |
| | 5. Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản (nếu có); | | X |
| | 6. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; | | X |
| | 7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); | | X |
| | 8. Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; | | X |
| | 9. Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 04 (bốn) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý. - 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc. + Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày. + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc. | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|---|
| | tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|--|----------|--|
| | công dân. | | | |
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư Các Sở, Ngành | 15 ngày | -Văn bản trả lời của các Sở, Ngành. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ: + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|---|
| | theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | | | |
| Bước 7 | <p>UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | UBND Thành phố | 07 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.c ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành</p> | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư mà chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, bên nhận bảo đảm hoặc nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

- Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư mà việc chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư, thủ tục điều chỉnh dự án khi chuyển nhượng thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 44, 45 và 46 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Mẫu A.I.11.c

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án là tài sản bảo đảm)
(Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH NHÀ ĐẦU TƯ

*(Trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án
là tài sản bảo đảm)*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Bên nhận bảo đảm (hoặc nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư) đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)*/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) *(nếu có)*/ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*.....*(số, ngày cấp, cơ quan cấp)* với các nội dung như sau:

I. BÊN NHẬN BẢO ĐẢM

1. Bên nhận bảo đảm là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh:..... Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*¹⁸ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam – *nếu có*):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng / tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

¹⁸ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)¹⁹ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng /tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Bên nhận bảo đảm tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên

II. NHÀ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)³ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

¹⁹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..

Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có): ..

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo(nếu có): thông tin kê khai tương tự như tại mục 1 và 2 ở trên.

III. NỘI DUNG CHUYỂN NHƯỢNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |

2. Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Địa điểm:

- Tiến độ :

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

- Thời hạn dự án:

- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

IV. GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Lý do, cơ sở đề nghị chuyển nhượng:

2. Các văn bản liên quan đến nội dung chuyển nhượng và việc đáp ứng các điều kiện nhận chuyển nhượng của nhà đầu tư quy định tại Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (nếu có).

V. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại Biểu A.I.11.h Phụ lục này.

VI. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.

3. Tiếp tục thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận chủ trương tại văn bản số...../QĐ.... ngày theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo khoản 3 Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

... .., ngày tháng năm ...

**Nhà đầu tư nhận chuyển
nhượng**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu (nếu có)

Bên nhận bảo đảm

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.2**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ²⁰

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

²⁰ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:.....”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

10. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-10)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; | X | |
| | 3. Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý | X | |

| | | | | |
|------------|--|--------------------|------------------|-------------------------|
| | trương đương; | | | |
| | 4. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | | X |
| | 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); | | | X |
| | 6. Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); | | | X |
| | 7. Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có); | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 04 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý. - 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc + Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày. + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |

| | | | | |
|--------|---|---|---------|--|
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> -- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 3 | <p>Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư.</p> | <p>Chuyên viên Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư</p> <p>Các Sở, Ngành</p> | 15 ngày | <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản trả lời của các Sở, Ngành. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|---|--|----------|--|
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ: + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 7 | UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận | UBND Thành phố | 07 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. -Văn bản ý kiến chỉ |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|--|
| | điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | | | đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.d ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); | | | |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|--|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

- Việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật;

+ Không được thay đổi điều kiện của nhà đầu tư (nếu có) tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thực hiện việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư;

Mẫu A.I.11.d

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp chia, tách và sáp nhập dự án đầu tư)
(Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư thực hiện chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư)

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư khi thực hiện việc chia/tách/sáp nhập dự án đầu tư theo Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)* / Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) *(nếu có)*/ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*.....*(số, ngày cấp, cơ quan cấp)* với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*²¹ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam – *nếu có*):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*²² số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..

²¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

²² Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

II. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dự án thứ nhất

a) Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

b) Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Địa điểm:

- Tiến độ:

- Thời hạn dự án:

- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

2. Dự án tiếp theo³: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với dự án thứ nhất

III. NỘI DUNG DỰ ÁN SAU KHI ĐƯỢC CHIA/TÁCH/SÁP NHẬP

1. Dự án thứ nhất

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Địa điểm:

- Tiến độ:

- Thời hạn dự án:

2. Dự án tiếp theo⁴: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với dự án thứ nhất

IV. GIẢI TRÌNH VIỆC CHIA/TÁCH/SÁP NHẬP

1. Lý do, cơ sở đề nghị thực hiện chia/tách/sáp nhập dự án đầu tư:

2. Giải trình về đáp ứng các điều kiện và các văn bản liên quan đến việc đáp ứng các điều kiện chia/tách/sáp nhập dự án quy định tại Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Giải trình về đáp ứng các ưu đãi đầu tư sau khi chia, tách, sáp nhập dự án (*nếu có*).

V. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (*nếu có*):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại Biểu A.I.11.h Phụ lục này.

VI. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.

³ Trong trường hợp sáp nhập dự án

⁴ Trong trường hợp chia, tách dự án

3. Tiếp tục thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương tại văn bản số...../QĐ.... ngày theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (*nếu có*) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo khoản 3 Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.
2. Các tài liệu có liên quan khác (*nếu có*).

... .., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.I.12**Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh***(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ***(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)*

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (nêu tên của tổ chức) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày.... tháng.... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn):

- Vốn huy động (ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn) trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có):

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động...

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunuocongnoi.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba.....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng...và các quy định pháp luật khác

... .., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.2

Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THỤẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ²³**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ²⁴

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do..... chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có), Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương

²³ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

²⁴ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

11. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-11)

| | |
|-----|--|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; | X | |
| | 3. Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; | X | |
| | 4. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | X |
| | 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); | | X |
| | 6. Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); | | X |
| | 7. Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có); | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 04 (bốn) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý. - 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó: + Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc + Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc. + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc. | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính. | | |
| 3.6 | Lệ phí | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|--|
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. - Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|---|---|----------|--|
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyên Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư Các Sở, Ngành | 15 ngày | -Văn bản trả lời của các Sở, Ngành. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ: + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|---|
| | UBND cấp tỉnh). | | | |
| Bước 7 | <p>UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | UBND Thành phố | 07 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.đ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.</p> <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm</p> | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none">- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01);- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02);- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03);- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04);- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

Mẫu A.I.11.d**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế)
(Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

(Trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế)

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

.....*(Tên tổ chức kinh tế)* được hình thành sau khi tổ chức lại (chia / tách / hợp nhất / sáp nhập / chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế) được kế thừa và tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế bị tổ chức lại *(Tên)* đối với dự án đầu tư đã thực hiện trước tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có)*, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh*(số, ngày cấp, cơ quan cấp)*. Nay,*(Tên tổ chức kinh tế được hình thành sau khi tổ chức lại)* đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo *(nếu có)* với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN/CÁC DỰ ÁN

1. Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có)*, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú <i>(Còn hoặc hết hiệu lực)</i> |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|---|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung dự án

- Tên dự án:.....
- Mục tiêu:.....
- Tổng vốn đầu tư:.....
- Quy mô dự án:.....
- Địa điểm:.....
- Tiến độ:.....
- Thời hạn dự án:.....
- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:.....

Thông tin của dự án tiếp theo *(nếu có)*: kê khai như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ ĐƯỢC HÌNH THÀNH TRÊN CƠ SỞ TỔ CHỨC LẠI

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)² số:.....; ngày cấp: ; Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....Fax:..... Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

.....
Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:.....

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)³ số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

III. GIẢI TRÌNH

1. Giải trình lý do, cơ sở đề nghị thực hiện chia/tách/sáp nhập dự án đầu tư
2. Phương án xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
3. Các văn bản liên quan đến việc đáp ứng các điều kiện thực hiện dự án sau khi tổ chức lại (nếu có)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại A.I.11.h Phụ lục này

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.
3. Tiếp tục thực hiện dự án đã được(cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương tại văn bản số/QĐ..... ngày.....theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và các bên liên quan, đảm bảo quyền lợi đối với người lao động; không xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo khoản 2 Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.
2. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Tên Tổ chức kinh tế được hình thành sau khi
tổ chức lại**

Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế
ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.2**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ²⁵**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ²⁶

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

²⁵ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

²⁶ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung ... quy định tại Điều... Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số... ngày ... được điều chỉnh như sau:

“Điều:”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

12. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-12)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời | X | |

| | | | |
|------------|---|---|---|
| | điểm góp vốn; | | |
| | 3. Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động; | X | X |
| | 4. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn; | | X |
| | 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn; | | X |
| | 6. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 04 (bốn) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý. - 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó: + Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc + Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày. + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc. | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính. | | |
| 3.6 | Lệ phí | | |
| | Không | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | |

| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
|--------|---|--|-----------|--|
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. - Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 3 | <p>Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản</p> | 15 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trả lời của các Sở, Ngành. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ |

| | | | | |
|--------|---|--|----------|---|
| | Ban Quản lý, chuyên Phòng Quản lý đầu tư. | lý đầu tư Các Sở, Ngành | | (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | - Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ: + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | - Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 7 | UBND Thành phố xem | UBND Thành | 07 ngày | - Quyết định chấp |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|--|
| | <p>xét theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | phó | | <p>thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.e ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

- Việc góp vốn bằng sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn vào doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, người có tài sản gắn liền với đất; quyền và nghĩa vụ của người nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; điều kiện góp vốn và nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

+ Điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan (nếu có);

+ Điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có);

+ Điều kiện góp vốn và nhận vốn góp bằng tài sản của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan đối với doanh nghiệp nhà nước;

+ Điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư và các Điều 15, 16 và 17 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Mẫu A.I.11.e**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư)
(Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ²⁷

(Trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư)

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư *(tên nhà đầu tư)* đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn với các nội dung như sau:

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**1. Nhà đầu tư góp vốn²⁸****a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)²⁹ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

²⁷ Trường hợp góp một phần quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư không thuộc các trường hợp tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư thì nhà đầu tư nhận góp vốn sử dụng văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư tại Biểu mẫu A.I.11.b của Thông tư này thay thế cho văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (khoản 5 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

²⁸ Nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn

²⁹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³⁰ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp: ..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có): ..

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư nhận góp vốn: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư góp vốn

II. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ GÓP VỐN

1. Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung dự án đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp

³⁰ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Địa điểm:
- Tiến độ:
- Thời hạn dự án:
- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

3. Các văn bản liên quan đến nội dung góp vốn và việc đáp ứng các điều kiện góp vốn bằng việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

III. THÔNG TIN VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC ĐEM GÓP VỐN

1. Tài liệu về tư cách pháp lý:..... (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất.)
2. Mã số:..... do..... (tên cơ quan cấp) ngày....tháng...năm....
3. Diện tích sử dụng đất:
4. Mục đích sử dụng đất:
5. Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất:..... (được Nhà nước giao; thuê đất của Nhà nước trả tiền một lần/hàng năm; nhận chuyển nhượng;...).
6. Thông tin về tài sản trên đất:
7. Các thông tin khác (nếu có):

IV. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ SAU KHI ĐÃ GÓP VỐN BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:

- Địa điểm:
- Tiến độ:
- Thời hạn dự án:

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ ĐƯỢC THÀNH LẬP / TỔ CHỨC KINH TẾ SAU KHI NHẬN GÓP VỐN

1. Thông tin về tổ chức kinh tế

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁵ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp: ..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có): ..

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Tỷ lệ góp vốn điều lệ:

| S TT | Tên thành viên góp vốn | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|---------|---------------------------|------------|--------------------|-----------|
| | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | |

VI. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại A.I.11.h Phụ lục này

VI. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

⁵ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.

3. Tiếp tục thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương tại văn bản số...../QĐ.... ngày theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (*nếu có*) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo khoản 3 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức kinh tế được thành lập/Tổ chức kinh tế nhận góp vốn

Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

... .., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.I.12

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (*nêu tên của tổ chức*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày.... tháng.... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021*):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn*):

- Vốn huy động (*ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn*) trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (*ghi rõ nguồn*) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (*nếu có*):

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (*nếu có*);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (*nếu có*);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có):

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động...

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunucngoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba.....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng...và các quy định pháp luật khác

... .., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.2**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ³¹

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

³¹ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

13. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-13)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh; | X | |

| | | | |
|------------|--|--|---|
| | 3. Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh; | | X |
| | 4. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh; | | X |
| | 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh; | | X |
| | 6. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; | | X |
| | 7. Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 04 (bốn) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <p>- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý.</p> <p>- 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc</p> <p>+ Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc.</p> | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <p>- Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn;</p> | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|--|
| | - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. - Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|---|----------|--|
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyên Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư Các Sở, Ngành | 15 ngày | -Văn bản trả lời của các Sở, ngành. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng | 0,5 ngày | Báo cáo tổng hợp ý kiến. - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ: + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|----------|---|
| | thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | | | |
| Bước 7 | <p>UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | UBND Thành phố | 07 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyên kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.g ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

- Việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, người có tài sản gắn liền với đất; quyền và nghĩa vụ của người nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; điều kiện góp vốn và nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

+ Điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan (nếu có);

+ Điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có);

+ Điều kiện góp vốn và nhận vốn góp bằng tài sản của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan đối với doanh nghiệp nhà nước;

+ Điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư và các Điều 15, 16 và 17 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

+ Điều kiện hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Mẫu A.I.11.g**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để
hợp tác kinh doanh)*

(Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để
hợp tác kinh doanh)*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư (*tên nhà đầu tư*) đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh với các nội dung như sau:

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**1. Nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh****a. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*³² số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

³² Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

b. Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³³ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư nhận hợp tác kinh doanh: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư tại mục 1

II. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ HỢP TÁC KINH DOANH

1. Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung dự án đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

- Tên dự án:

³³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Địa điểm:
- Tiến độ:
- Thời hạn dự án:
- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

3. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

III. THÔNG TIN VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tài liệu về tư cách pháp lý:...(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất...)
2. Mã số:..... do..... (tên cơ quan cấp) ngày.....tháng...năm....
3. Diện tích sử dụng đất:
4. Mục đích sử dụng đất:
5. Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất:..... (được Nhà nước giao; thuê đất của Nhà nước trả tiền một lần/hàng năm; nhận chuyển nhượng;...).
6. Thông tin về tài sản trên đất:
7. Các thông tin khác (nếu có):

IV. NỘI DUNG HỢP TÁC KINH DOANH

1. Tên, địa chỉ, người đại diện có thẩm quyền của các bên tham gia hợp đồng:
2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:
3. Mục tiêu và phạm vi hoạt động đầu tư kinh doanh:
4. Đóng góp của các bên tham gia hợp đồng và phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên:
5. Tiến độ và thời hạn thực hiện hợp đồng:

V. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại A.I.11.h Phụ lục này

VI. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo khoản 3 Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan.

... .., ngày tháng năm ...

**Nhà đầu tư nhận hợp tác
kinh doanh**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ
tên, chức danh và đóng dấu (*nếu
có*).

**Nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài
sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.I.12**Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh***(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ***(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm...)*

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (*nêu tên của tổ chức*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày.... tháng.... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021*):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn*):

- Vốn huy động (*ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn*) trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (*ghi rõ nguồn*) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (*nếu có*):

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (*nếu có*);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (*nếu có*);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có):

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động...

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunucngoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba.....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng...và các quy định pháp luật khác

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.2**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ³⁴**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ³⁵

(cấp lần đầu: ngày..... tháng..... năm.....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày..... tháng..... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

³⁴ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

³⁵ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

14. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ) (QT-14)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ). | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|---|
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | | X | |
| | 2. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | | X |
| | 3. Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; | | | X |
| | 4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có). | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý. - 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 04 ngày làm việc + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyên cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư</i> |

| | | | | |
|--------|---|---|----------|---|
| | <p>môn (chuyển sang B2).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư.</p> | | | <p>số 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>-Hồ sơ</p> |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 1,5 ngày | <p>-Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư trình Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư</p> | <p>Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư</p> | 1,5 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét.</p> | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư</p> | 02 giờ | <p>Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh</p> |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|---------|--|
| | | | | <p>chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 5 | <p>Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ:</p> <p>+ Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý).</p> <p>+ ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh).</p> | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | <p>-Văn bản gửi UBND Thành phố.</p> <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 6 | <p>UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | UBND Thành phố | 05 ngày | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 7 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 8 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 02 giờ | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. |

| | | | | |
|----------|---|--|--|---|
| | cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | | | <p>-Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| | | | | |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải điều chỉnh theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài.

Mẫu A.I.11.h
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp điều chỉnh khác)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có), nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số:.; ngày cấp ...; Cơ quan cấp: ..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (áp dụng đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, khi chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư - thuộc các trường hợp quy định tại điểm a,b,c,d,đ,e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư).

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương):

- Nay đề nghị sửa thành:.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

2. Nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:.....

- Lý do điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (*ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1*):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (*nếu có*).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (*nếu có*).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án
Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của
Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(*nếu có*).

Mẫu A.II.2**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ³⁶**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ³⁷

(cấp lần đầu: ngày..... tháng..... năm....)

(điều chỉnh lần thứ...: ngày..... tháng..... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

³⁶ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

³⁷ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư sốdo(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

15. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ) (QT-15)

| | |
|-----|--|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ).</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | Nội. - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao | |
| | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | X | | |
| | 2. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; | | X | |
| | 3. Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; | | X | |
| | 4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có). | | X | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 02 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |

| | | | | |
|--------|---|--|---------|---|
| | TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | | | |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | <p>-Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 02 giờ | <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá</p> |

| | | | | |
|----------|---|----------------------------------|--------|---|
| | | | | trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết.</p> | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 02 giờ | <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ đạo.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.</p> <p>- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01);</p> | | | |

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02);- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03);- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04);- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|--|

Mẫu A.I.11.h
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Trường hợp điều chỉnh khác)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có), nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số:.; ngày cấp ...; Cơ quan cấp: ..
 Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (áp dụng đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, khi chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung

chấp thuận chủ trương đầu tư - thuộc các trường hợp quy định tại điểm a,b,c,d,đ,e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư).

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương):

- Nay đề nghị sửa thành:.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

2. Nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:.....

- Lý do điều chỉnh:

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của
Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có).

Mẫu A.II.2

Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHẤP
THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ³⁸**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ³⁹

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm....)
(điều chỉnh lần thứ...: ngày.... tháng.... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.... do.....chấp thuận ngày.....;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... do (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) chấp thuận ngày..... với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

³⁸ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

³⁹ Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung quy định tại Điều Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) số..... ngày được điều chỉnh như sau:

“Điều:

.....”

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số, điều chỉnh lần thứ..... ngày (nếu có).

2.(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

16. Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (QT-16)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; | | X |
| | 3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; | | X |
| | 4. Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; | | X |
| | 5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; | | X |
| | 6. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu | | X |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|---|
| | <p>tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</p> | | | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (bốn) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | <p>- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý.</p> <p>- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó:</p> <p>+ Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả: 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 07 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc.</p> | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <p>- Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn;</p> <p>- Dịch vụ bưu chính.</p> | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi</p> | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Hồ sơ</p> |

| | | | | |
|--------|--|--|----------|--|
| | TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | | | |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 1,5 ngày | <p>-Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư Các Sở, Ngành | 07 ngày | <p>-Văn bản trả lời của các Sở, Ngành.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 1,5 ngày | <p>-Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <p>- Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh</p> |

| | | | | |
|--------|---|-------------------------------|---------|---|
| | | | | <p>chủ trương đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 06 giờ | <p>Báo cáo tổng hợp ý kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | <p>Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý). + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi UBND Thành phố. - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 7 | <p>UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban. - Nếu không đồng ý: | UBND Thành phố | 03 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|--------|--|
| | Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | | | |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 04 giờ | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo Mẫu A.I.14 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Văn bản chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Việc gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có); phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình kế hoạch phát triển nhà ở (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị);

+ Đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với trường hợp đề nghị gia hạn sử dụng đất).

+ Không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư, bao gồm:

Dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên: a) Dự án sử dụng dây chuyền công nghệ khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; hoặc công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi dây chuyền công nghệ trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất của dây chuyền công nghệ còn lại dưới 85% so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế; hoặc mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng vượt quá 15% so với thiết kế.

Dự án sử dụng máy móc, thiết bị để sản xuất có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm hoặc khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị của dự án thì áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư thuộc trường hợp nhà đầu tư phải chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam hoặc bên Việt Nam.

Mẫu A.I.14

Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư
(Khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư, Khoản 2 Điều 55 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi:(Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư được quy định tại Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh (nếu có), Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).....(số, ngày cấp, cơ quan cấp) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁴⁰ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴¹ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..

⁴⁰ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG GIA HẠN

1. Nội dung gia hạn thời hạn hoạt động

- Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đã quy định tại các văn bản: Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh (nếu có), Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương):

- Nay đề nghị gia hạn thêm: (số năm), đến năm

2. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại Khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và Khoản 4 Điều 27 Nghị định 31/2021/NĐ-CP:

⁴¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

.....

IV. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC³(nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại Biểu A.I.11.h Phụ lục này.

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh (nếu có), Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Hồ sơ quy định tại iêm a Khoản 2 Điều 55 Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

2. Bản sao Giấy phép đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có)..... (số, ngày cấp, cơ quan cấp).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

³ Trong trường hợp đề nghị gia hạn đồng thời đề nghị điều chỉnh dự án

17. Thủ tục Ngừng hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-17)

| | | | |
|-----|--|------------------|----------------|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.</p> | | |
| 2 | <p>Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> | | |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | <p>Thành phần hồ sơ</p> | <p>Bản chính</p> | <p>Bản sao</p> |
| | <p>1. Văn bản thông báo ngừng hoạt động của dự án đầu tư.</p> | <p>X</p> | |
| 3.3 | <p>Số lượng hồ sơ:</p> | | |
| | <p>01 (một) bộ</p> | | |

| | | | | |
|------------|--|--|------------------|---|
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 1,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|---------|---|
| | sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | | | |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp; dự thảo Quyết định ngừng hoạt động dự án đầu tư trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp; - Dự thảo Quyết định ngừng hoạt động dự án đầu tư. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 02 giờ | |
| Bước 5 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ngừng hoạt động dự án đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ngừng hoạt động dự án đầu tư. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư |

| | | | | |
|----------|---|--|--|---|
| | | | | <i>số 01/2018/TT-VPCP).</i> - Sổ theo dõi hồ sơ (<i>Mẫu số 06 Thông tư</i> <i>01/2018/TT-VPCP).</i> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo của nhà đầu tư về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư theo Mẫu A.I.13 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định ngừng hoạt động dự án đầu tư theo Mẫu A.II.15 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Dự án đầu tư ngừng hoạt động trong các trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều 47 của Luật Đầu tư.

- Tổng thời gian ngừng hoạt động của dự án đầu tư không quá 12 tháng. Trường hợp ngừng hoạt động của dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, phán quyết có hiệu lực của trọng tài hoặc theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thì thời gian ngừng hoạt động của dự án đầu tư được xác định theo bản án, quyết định của tòa án, phán quyết trọng tài hoặc theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Trường hợp các văn bản này không xác định thời gian ngừng hoạt động của dự án đầu tư thì tổng thời gian ngừng không quá thời gian quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Mẫu A.I.13**Văn bản thông báo về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư**
(Khoản 1 Điều 47 Luật Đầu tư)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**THÔNG BÁO NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁴² số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴³ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)****1. Tên tổ chức kinh tế:****2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập:**do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày⁴² Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.⁴³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

3. Mã số thuế:.....

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (*nêu các thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện*):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (*nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn*):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (*nếu có*):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (*nếu có*):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (*nếu có*): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,

IV. NỘI DUNG NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo ngừng hoạt động dự án đầu tư (*tên dự án*)....., đã được cấp Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*)/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (*tên cơ quan cấp*) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung ngừng hoạt động:.....

2. Thời gian ngừng hoạt động (*từ ngày... tháng... năm đến ngày ... tháng ... năm*)

3. Giải trình lý do ngừng hoạt động:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:.....

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

5. Kiến nghị về việc miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất trong thời gian ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bất khả kháng gây ra (*nếu có*).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (*nếu có*), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (*nếu có*), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh(*số, ngày cấp, cơ quan cấp*) (*nếu có*).

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản họp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật
của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.II.15**Quyết định ngừng hoạt động của dự án đầu tư***(Do cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư)**(Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư)***CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/Quyết định chủ trương đầu tư sốdo cấp ngày**Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của (ghi tên cơ quan đăng ký đầu tư);**Căn cứ Biên bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư.....(văn bản, tài liệu là căn cứ trực tiếp để ngừng hoạt động của dự án đầu tư);**Xét văn bản của (cơ quan có thẩm quyền, nếu có),***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1:** Ngừng hoạt động một phần / toàn bộ của dự án đầu tư:

- Tên dự án:

- Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh số/Quyết định chủ trương đầu tư số, do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày và điều chỉnh ngày

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:(tên tổ chức kinh tế), Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức số:..... do.....(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày và điều chỉnh ngày

- Phạm vi dự án ngừng hoạt động (một phần hoặc toàn bộ dự án):

- Thời gian ngừng hoạt động (từ ngày.... tháng....nămđến ngày..... tháng.... năm....).

- Lý do ngừng (ghi rõ lý do theo khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư):

Điều 2: Nhà đầu tư có trách nhiệm tiếp tục thực hiện dự án khi hết thời gian ngừng nêu tại Điều 1 khi khắc phục được lý do ngừng hoạt động và tuân thủ các theo quy định của pháp luật khi tiếp tục thực hiện dự án.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... Quyết định này được lập thành(*bằng chữ*) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản; 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan liên quan (*nếu có*);
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
*(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)*

18. Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (QT-18)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; | X | |
| | 2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; | X | X |
| | 3. Tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. | X | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|---|
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; <p>- Dịch vụ bưu chính.</p> | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 03 ngày | <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|---------|--|
| | trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | | | |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp, Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trình Lãnh đạo Phòng. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp; - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ đề Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 04 giờ | |
| Bước 5 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, dự thảo văn bản, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa (nếu có) và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 01 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư |

| | | | | |
|----------|---|--|--|--|
| | | | | <i>số 01/2018/TT-VPCP).</i> - Sổ theo dõi hồ sơ <i>(Mẫu số 06 Thông tư</i> <i>01/2018/TT-VPCP).</i> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo Mẫu A.I.15 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư

Mẫu A.I.15**Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư**
(Điểm a, b và c khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

(ghi thông tin về Nhà đầu tư quy định tại Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh (nếu có), Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có)..... (số, ngày cấp, cơ quan cấp).

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

3. Mã số thuế:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN**1. Tình hình hoạt động của dự án**

- Tình hình góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tình hình xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có):

- Tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,

IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư (tên dự án)..... đã được cấp Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có)/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án: từ ngày... tháng... năm.....

2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).

Hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh (trong trường hợp doanh nghiệp vẫn hoạt động theo thông tin doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh)

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

... .., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Tùng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật
của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có).

19. Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (QT-19)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính. | X | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công | | |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|--|
| | nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 01 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên. Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ: + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | - Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. - Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|---|--|
| | công dân. | | | |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp, Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trình Lãnh đạo Phòng. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | - 0,5 ngày đối với trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - 01 ngày đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | - Báo cáo tổng hợp; - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ đề Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 01 giờ | |
| Bước 5 | Phê duyệt Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 01 giờ | - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. |

| | | | | |
|----------|--|--|--|--|
| | lưu trữ hồ sơ | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu A.I.17 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu A.I.18 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo mẫu A.II.10 quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng.
- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa chính xác so với thông tin đăng ký tại hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư.

Mẫu A.I.17**Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**
(Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

.....(tên Nhà đầu tư) đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi thông tin về Nhà đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, cơ quan cấp).

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

3. Mã số thuế:

III. NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ ĐÃ CẤP

1. Thông tin về các giấy đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |

2. Lý do cấp lại:

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Tùng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.I.18**Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**
(Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN TRÊN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi thông tin về Nhà đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, cơ quan cấp).

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....

3. Mã số thuế:

III. HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN TRÊN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp:**

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung hiệu đính:**2.1. Nội dung hiệu đính 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do hiệu đính:

2.2. Nội dung hiệu đính tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp.

... .., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

Mẫu A.II.10**Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***(Trường hợp đổi, cấp lại, hiệu đính)**(Điều 41 và Điều 127 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án:

Chứng nhận lần đầu: Ngàythángnăm

Chứng nhận cấp đổi/cấp lại/hiệu đính/điều chỉnh lần thứ: Ngàytháng ... năm

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh sốdo cấp ngày

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của

Căn cứ bản đề nghị cấp đổi/cấp lại/hiệu đính/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và hồ sơ kèm theo do.... nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**Chứng nhận:**

Dự án đầu tư (tên dự án); mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày được đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; và được đăng ký điều chỉnh⁴⁴ (ghi tóm tắt nội dung xin điều chỉnh, Ví dụ: đổi từ Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư, tăng vốn đầu tư, thay đổi mục tiêu hoạt động của dự án).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**1. Nhà đầu tư:**

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

⁴⁴ Áp dụng đối với trường hợp cấp đổi/cấp lại/hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đồng thời điều chỉnh dự án đầu tư

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:
Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

..(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số: ...; ngày cấp:; Cơ quan cấp: .

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: (ghi tên Tổ chức kinh tế), Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày..... Mã số thuế:

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư (ghi lại toàn bộ nội dung của dự án đầu tư)

1. Tên dự án đầu tư:

2. Mục tiêu dự án:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|--------------------------|-------------------------------------|---|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | |
| 2 | | | |

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

-Vốn góp để thực hiện dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------|
| | | VND | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):*

7. *Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.*

8. *Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) *Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;*

b) *Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)*

c) *Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)*

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Ghi nhận toàn bộ ưu đãi đầu tư (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất...), và cơ sở pháp lý, thời điểm áp dụng (nếu có) quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trước đó.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. *Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.*

2. *Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (Ghi nhận toàn bộ nội dung các điều kiện đối với dự án quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trước đó).*

3.

Điều 4: *Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quy định về nội dung dự án đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (điều chỉnh)/Giấy phép kinh doanh (điều chỉnh) số do(tên cơ quan cấp) cấp ngày.....*

Điều 5. *Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành (bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:.... (tên cơ quan đăng ký đầu tư) và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

20. Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (QT-20)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | X | |
| | 2. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. | X | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|---|
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. -Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|--------|---|
| | trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | | | |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp, Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trình Lãnh đạo Phòng. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 06 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp; - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ đề Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 02 giờ | |
| Bước 5 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>). |

| | | | | |
|----------|---|--|--|--|
| | | | | - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu A.I.16 quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>Trường hợp đổi, cấp lại, hiệu đính</i>) theo mẫu A.II.10 quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành được chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Mẫu A.I.16**Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Điểm a khoản 1 Điều 127 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế đề nghị đổi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (điều chỉnh)/Giấy phép kinh doanh (điều chỉnh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi thông tin về Nhà đầu tư quy định tại Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh (nếu có), Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có)..... (số, ngày cấp, cơ quan cấp).

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư /số quyết định thành lập:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

3. Mã số thuế

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (điều chỉnh)/Giấy phép kinh doanh (điều chỉnh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đã được cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Thông tư này trên cơ sở các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (điều chỉnh)/Giấy phép kinh doanh (điều chỉnh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đã được cấp):

.....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (điều chỉnh)/Giấy phép kinh doanh (điều chỉnh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đã được cấp.

... .., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Tùng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật
của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.II.10**Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***(Trường hợp đổi, cấp lại, hiệu đính)**(Điều 41 và Điều 127 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án:

*Chứng nhận lần đầu: Ngàythángnăm**Chứng nhận cấp đổi/cấp lại/hiệu đính/điều chỉnh lần thứ ...: Ngàytháng ... năm**Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh sốdo cấp ngày*;*Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của*;*Căn cứ bản đề nghị cấp đổi/cấp lại/hiệu đính/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và hồ sơ kèm theo do.... nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),***TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ****Chứng nhận:**

Dự án đầu tư ... (*tên dự án*); mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh, do (*tên cơ quan cấp*) cấp ngày được đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; và được đăng ký điều chỉnh⁴⁵

⁴⁵ Áp dụng đối với trường hợp cấp đổi/cấp lại/hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đồng thời điều chỉnh dự án đầu tư

(ghi tóm tắt nội dung xin điều chỉnh, Ví dụ: đổi từ Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư, tăng vốn đầu tư, thay đổi mục tiêu hoạt động của dự án).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

1. Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)² số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)³ số: ...; ngày cấp:; Cơ quan cấp: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:(ghi tên Tổ chức kinh tế), Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày.....Mã số thuế:

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư (ghi lại toàn bộ nội dung của dự án đầu tư)

1. Tên dự án đầu tư:

2. Mục tiêu dự án:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|--------------------------|--|--|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | |
| 2 | | | |

3. Quy mô dự án:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

-Vốn góp để thực hiện dự án: (bằng chữ) đồng, tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

7. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Ghi nhận toàn bộ ưu đãi đầu tư (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất...), và cơ sở pháp lý, thời điểm áp dụng (nếu có) quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trước đó.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (Ghi nhận toàn bộ nội dung các điều kiện đối với dự án quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trước đó).

3.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quy định về nội dung dự án đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (điều chỉnh)/Giấy phép kinh doanh (điều chỉnh) số do(tên cơ quan cấp) cấp ngày.....

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành (bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:.... (tên cơ quan đăng ký đầu tư) và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

21. Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (QT-21)

| | | | |
|-----|--|------------------|----------------|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài.</p> | | |
| 2 | <p>Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> | | |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | <p>Thành phần hồ sơ</p> | <p>Bản chính</p> | <p>Bản sao</p> |
| | <p>1. Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu,</p> | <p>X</p> | |

| | | | | |
|------------|--|--------------------|----------------------|-------------------------|
| | thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có); | | | |
| | 2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; | | | X |
| | 3. Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó; | X | | |
| | 4. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ- CP. | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |

| | | | | |
|--------|--|--|----------|--|
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký; + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 4,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành. - Thông báo trả hồ sơ. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 3 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp, Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trình Lãnh đạo Phòng.</p> | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư</p> | 04 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp; - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư</i>) |

| | | | | |
|----------|---|----------------------------------|---------|---|
| | | | | <i>số 01/2018/TT-VPCP)</i> |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 02 ngày | |
| Bước 5 | Phê duyệt Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 01 ngày | - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>). - Sổ theo dõi hồ sơ (<i>Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | 1. Biểu mẫu: - Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu A.I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT. - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu A.II.20 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp làm tăng tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

- Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới hoặc bằng 50% lên trên 50%; tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu trên 50% vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế;

- Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

Mẫu A.I.7

Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài

(Khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/MUA PHẦN VỐN GÓP

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp vào(tên tổ chức kinh tế)...với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*¹ số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*² số:.....; ngày cấp ...; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch: Chức danh:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Tên tổ chức kinh tế:

- Tên bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp lần đầu:..... Ngày điều chỉnh gần nhất (nếu có):

3. Mã số thuế:.....

4. Loại hình doanh nghiệp:.....

5. Địa chỉ trụ sở chính: (Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

6. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC) |
|-----|-----------|--|--|
| | | | |
| | | | |

7. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng.

8. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế (nếu có):

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|------------|--------------------------|-----------|
| | | VNĐ | Tương đương USD (nếu có) | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| ... | | | | |

9. Danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

10. Khai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh (nếu có).

Ghi rõ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số.... tại..... (vị trí khu đất)

III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, MUA PHẦN VỐN GÓP

(chỉ liệt kê giao dịch phát sinh)

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ | | | Giá trị giao dịch thực tế của hợp đồng góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp | |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------|-----------|---|--------------------------|
| | | | VNĐ | Tương đương USD (nếu có) | Tỷ lệ (%) | VNĐ | Tương đương USD (nếu có) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ SAU KHI NHẬN VỐN GÓP/CỔ PHẦN/ PHẦN VỐN GÓP:

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng.

3. Tỷ lệ sở hữu:

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ | | |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------|-----------------|-----------|
| | | | VNĐ | Tương đương USD | Tỷ lệ (%) |
| | | | | | |

| 4. Ngành nghề kinh doanh: | | | |
|---------------------------|-----------|--|--|
| STT | Tên ngành | Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC) |
| | | | |

(*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN.

V. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ (nếu có)

VI. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (nếu có).

(Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, năng lực của nhà đầu tư, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế)

VII. NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, MUA PHẦN VỐN GÓP CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không được chấp thuận.

VIII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.
2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp

Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu A.II.20**Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài***(Điều 26 Luật Đầu tư, Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài

Kính gửi: Tên nhà đầu tư

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 21 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;**Xét văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp do nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)..... nộp ngàyvà hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),***Cơ quan đăng ký đầu tư tỉnh/thành phố..... thông báo:**

1. Nhà đầu tư/Các nhà đầu tư sau đây đáp ứng/không đáp ứng điều kiện góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp vào công ty..... (tên công ty nhà đầu tư dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số.....ngày.... do.....(tên cơ quan) cấp lần đầu ngàyvà điều chỉnh ngày.....

Nhà đầu tư thứ nhất

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Quốc tịch:
 (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁴⁶ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:
 Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴⁷ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....
 Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):
 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch: ...
 (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

2. Giá trị và tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của các nhà đầu tư như sau:

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ | | | Giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp | |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------|-------------|-----------|---|--------------------------|
| | | | VNĐ | Tương đương | Tỷ lệ (%) | | Tương đương USD (nếu có) |
| | | | | | | | |

⁴⁶ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁴⁷ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|------------------------|--|------------|--|
| | | | | USD (nếu có) | | VNĐ | |
| | | | | | | | |

3. Thông tin về tổ chức kinh tế sau khi nhận góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp (trường hợp đáp ứng điều kiện) như sau:

3.1. Tên tổ chức kinh tế:

3.2. Mã số doanh nghiệp/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/ Quyết định thành lập số: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày:.....

3.3. Vốn điều lệ (bằng số): ...VNĐ.

3.4. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ | | |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------|-----------|
| | | | VNĐ | Tương đương USD (nếu có) | Tỷ lệ (%) |
| | | | | | |
| | | | | | |

3.5. Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (đối với ngành nghề có mã CPC) |
|-----|-----------|--|--|
| | | | |
| | | | |

3.6. Một số điều kiện (nếu có):

4. Lý do (đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện):

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tên tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;\
- Phòng đăng ký kinh doanh (nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở);
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

22. Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (QT-22)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời | X | |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|--|
| | hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành; | | | |
| | 2. Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành; | X | | |
| | 3. Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành; | | X | |
| | 4. Bản sao hợp đồng BCC. | | X | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 01 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho | Chuyên viên Phòng Quản | 01 ngày | -Văn bản gửi lấy ý kiến |

| | | | | |
|--------|--|----------------------------------|--------|---|
| | <p>Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | lý đầu tư | | <p>các Sở, Ngành.</p> <p>-Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp, Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trình Lãnh đạo Phòng.</p> | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 04 giờ | <p>- Báo cáo tổng hợp;</p> <p>- Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét.</p> | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 01 giờ | |
| Bước 5 | <p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận</p> | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | <p>- Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>- Văn bản ý kiến chỉ</p> |

| | | | | |
|----------|--|----------------------------------|--------|---|
| | điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | | | đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 6 | Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư | 01 giờ | - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Mẫu A.I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT, Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT. - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành theo Mẫu A.II.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Hợp đồng BCC được ký kết giữa nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 38 của Luật Đầu tư.

Mẫu A.I.8

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng Hợp tác kinh doanh

(Điều 49 Luật Đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Kính gửi:(*Tên cơ quan đăng ký đầu tư*)

Nhà đầu tư đăng ký thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*¹ số:.....; ngày cấp ...; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

.....

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*² số:.....; ngày cấp ...; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Địa chỉ văn phòng đại diện Việt Nam (nếu có):

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:.....

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

3. Ngày cấp:

4. Cơ quan cấp:.....

5. Địa điểm thực hiện dự án:.....

6. Mục tiêu dự án:.....

7. Tiến độ:.....

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt:.....

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ văn phòng (ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành (ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành):

4. Thời hạn hoạt động (kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành):

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng điều hành.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư
2. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

Mẫu A.II.12**Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành***(Khoản 5 Điều 49 Luật Đầu tư)*

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI TRONG HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

(chứng nhận lần đầu: ngày..... tháng.... năm)

(chứng nhận thay đổi lần thứ...: ngày.... tháng.... năm)

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sốdo cấp ngày**Căn cứ.. ..**Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;**Xét văn bản đề nghị thành lập văn phòng điều hành và hồ sơ kèm theo do..... (tên nhà đầu tư) nộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),***TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Chứng nhận nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư:*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:
 (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁴⁸ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

..(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)² số: ...; ngày cấp:; Cơ quan cấp: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam – nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Đăng ký thành lập Văn phòng điều hành dự án đầu tư (tên dự án), mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... tháng năm với các nội dung sau:

⁴⁸ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điều 1: Nội dung đăng ký Văn phòng điều hành dự án đầu tư.

1. Tên văn phòng điều hành:

2. Địa chỉ văn phòng:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành:

4. Thời hạn hoạt động:

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Giới tính: ..., Ngày sinh:, Quốc tịch:

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

(Trong trường hợp điều chỉnh) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký (điều chỉnh) hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh sốdo(tên cơ quan cấp) cấp ngày

Điều 2: Giấy chứng nhận thành lập văn phòng điều hành này được lập thành(bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT,...

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

23. Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (QT-23)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn; | X | |
| | 2. Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; | X | X |
| | 3. Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của | X | X |

| | | | | |
|------------|--|--|------------------|--|
| | người lao động đã được giải quyết; | | | |
| | 4. Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế; | X | | X |
| | 5. Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội; | X | | X |
| | 6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành; | X | | |
| | 7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; | | | X |
| | 8. Bản sao hợp đồng BCC. | | | X |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn; - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2). - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa</p> | 01 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |

| | | | | |
|--------|---|----------------------------------|----------|---|
| BƯỚC 2 | <p>Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.</p> <p>Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân.</p> | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | <p>- Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.</p> <p>- Thông báo trả hồ sơ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| BƯỚC 3 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp, Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trình Lãnh đạo Phòng. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | <p>- Báo cáo tổng hợp;</p> <p>- Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| BƯỚC 4 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư trình hồ sơ để Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Đầu tư | 01 giờ | |
| BƯỚC 5 | Phê duyệt Lãnh đạo Ban xem xét, | Lãnh đạo Ban | 01 giờ | - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua |

| | | | | |
|----------|--|---|---------------|---|
| | <p>theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Phòng Quản lý đầu tư. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | | | <p>lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 6 | <p>Phòng Quản lý Đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ</p> | <p>Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư</p> | <p>01 giờ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài. - Văn bản ý kiến chỉ đạo. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Sổ theo dõi hồ sơ (<i>Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo chấm dứt văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Mẫu A.I.10 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. - Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng điều hành theo Mẫu A.II.13 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); | | | |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04);- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |
|--|---|

Mẫu A.I.10**Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng HỢP TÁC KINH DOANH***(Điều 50 Luật Đầu tư)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN THÔNG BÁO****CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI TRONG HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH**Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đăng ký thông báo chấm dứt văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:Quốc tịch:

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*⁴⁹ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại:Fax:Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

⁴⁹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁵⁰ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

3. Ngày cấp:

4. Cơ quan cấp:

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Mục tiêu dự án:

7. Tiến độ:.....

III. NỘI DUNG VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÃ ĐĂNG KÝ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ văn phòng (ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành (ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành):

4. Thời hạn hoạt động (ghi số năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành):

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên: Giới tính:

⁵⁰ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Ngày sinh:Quốc tịch:

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số :

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo chấm dứt văn phòng điều hành dự án đầu tư (tên văn phòng điều hành), đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số.....ngày.....với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt văn phòng điều hành dự án đầu tư: từ ngày.... ..
2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Đầu tư.
2. Các văn bản khác có liên quan.

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

**Mẫu A.II.13 Văn bản quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của
văn phòng điều hành**
(Khoản 3 Điều 50 Luật Đầu tư)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/Quyết định chủ trương đầu tư sốdo cấp ngày;

Căn cứ(văn bản, tài liệu là căn cứ trực tiếp để chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư);

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của (ghi tên cơ quan đăng ký đầu tư);

Xét văn bản của (cơ quan có thẩm quyền, nếu có),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Tên văn phòng điều hành:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số, do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày tháng năm và điều chỉnh ngày tháng năm

- Lý do chấm dứt hoạt động:

Điều 2: Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục thanh lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... Quyết định này được lập thành(*bằng chữ*) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản; và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

*(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)*

II- LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

24. Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (QT-24)

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các thương nhân nước ngoài. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại ngày 14/6/2005 về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Quyết định số 3500/QĐ-BCT ngày 29/12/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Công thương năm 2020.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ-1 Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký. | x | |
| | 2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập xác nhận. Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ | | x |
| | 3. Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện | x | |
| | 4. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất | | x |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|---|
| | 5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam); hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện | | | x |
| | 6. Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: - Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; - Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan. | | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | - 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - 13 ngày làm việc trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành). | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | | |
| | - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công; hoặc - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí: 3.000.000 Đồng | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa - Ban quản lý: - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ Một cửa sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ hợp lệ (đầy đủ, kê khai theo qui định): Tiếp nhận hồ sơ theo quy định và chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa | 2 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |

| | | | | |
|---------------|---|-------------------------------|---|---|
| <p>Bước 2</p> | <p>Phòng chuyên môn tiếp nhận, giao hồ sơ đến Chuyên viên thụ lý: Nếu hồ sơ đảm bảo các yêu cầu quy định, chuyên viên thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, báo cáo trưởng phòng xem xét, ký nháy trình Lãnh đạo Ban ký duyệt. - Trường hợp hồ sơ cần phải xác minh, thẩm tra thực tế thì cán bộ phụ trách hồ sơ trực tiếp tiến hành thẩm tra, xác minh, lập biên bản và cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, Trưởng phòng ký nháy. - Trường hợp hồ sơ cần thiết phải thông qua ý kiến của các Sở, ban ngành liên quan thì chuyên viên thụ lý soạn công văn xin ý kiến đến Các Sở, ngành liên quan. Công văn xin ý kiến chuyên viên thụ lý cũng ký nháy kết thúc văn bản, Trưởng phòng ký nháy trình Lãnh đạo Ban.</p> | <p>Chuyên viên phòng QLĐN</p> | <p>- 1 ngày, 2 giờ (10 giờ) (với HS hợp lệ theo QĐ) - 11 ngày, 2 giờ (90 giờ) (với HS chưa được quy định tại VBQPPL chuyên ngành – bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý)</p> | <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Giấy phép kèm hồ sơ đã kê khai hoàn chỉnh - Đơn đề nghị cấp Giấy phép Thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu MD-1 kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT</p> |
| <p>Bước 3</p> | <p>Lãnh đạo Phòng kiểm tra, duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Ban: - Nếu đồng ý: Ký nháy Giấy phép và trình Lãnh đạo Ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3).</p> | <p>Lãnh đạo Phòng DN</p> | <p>4 giờ</p> | <p>- Hồ sơ kèm Giấy phép VPĐD đã kê khai hoàn chỉnh theo mục 3.2 - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| <p>Bước 4</p> | <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy phép. - Nếu không đồng ý: Phê ý</p> | <p>Lãnh đạo Ban</p> | <p>4 giờ</p> | <p>- Tờ trình, Hồ sơ kèm Giấy phép VPĐD đã kê khai hoàn chỉnh - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> |

| | | | | |
|----------|--|------------------------|--------|---|
| | kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 4). | | | <p>(Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 5 | Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng QLDN | 04 giờ | <p>- Giấy phép VPĐD</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo Mẫu MĐ-1 Thông tư số 11/2016TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;</p> <p>- Hệ thống biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06)</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01);</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02);</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03);</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04);</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06);</p> | | | |

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../...
Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-.....

-.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước
ngoài**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

25. Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (QT-25)

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định Cấp Giấy phép điều chỉnh Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với Văn phòng đại diện trong các khu công nghiệp. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại ngày 14/6/2005 về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Quyết định số 3500/QĐ-BCT ngày 29/12/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Công thương năm 2020. | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu MĐ-3 Thông tư số 11/2016/TT-BCT) do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký | x | |
| | 2. Bản chính Giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp | x | |
| | 3. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài. | | x |
| | 4. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP : Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài | | x |
| | 5. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của | x | |

| | | | | |
|------------|--|---|---------------------------------|---|
| | Văn phòng đại diện/Chi nhánh; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi. | | | |
| | 6. Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan. | | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | | |
| | 01 (một) bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | <p>- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>- 13 ngày làm việc trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành).</p> | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công; hoặc - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí: 1.500.000 Đồng | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | <p>Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa - Ban quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ Một cửa sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ hợp lệ (đầy đủ, kê khai theo quy định): Tiếp nhận hồ sơ theo quy định và chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa | 2 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ |
| Bước 2 | Phòng chuyên môn tiếp nhận, giao hồ sơ đến Chuyên viên thụ lý: | Chuyên viên phòng DN | - 1 ngày, 2 giờ (10 giờ) | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư |

| | | | | |
|--------|---|---------------------|---|--|
| | <p>Nếu hồ sơ đảm bảo các yêu cầu quy định, chuyên viên thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, báo cáo trưởng phòng xem xét, ký nháy trình Lãnh đạo Ban ký duyệt.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ cần phải xác minh, thẩm tra thực tế thì cán bộ phụ trách hồ sơ trực tiếp tiến hành thẩm tra, xác minh, lập biên bản và cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, Trưởng phòng ký nháy.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ cần thiết phải thông qua ý kiến của các Sở, ban ngành liên quan thì chuyên viên thụ lý soạn công văn xin ý kiến đến Các Sở, ngành liên quan. Công văn xin ý kiến chuyên viên thụ lý cũng ký nháy kết thúc văn bản, Trưởng phòng ký nháy trình Lãnh đạo Ban.</p> | | <p>(với HS hợp lệ theo QĐ)</p> <p>- 11 ngày, 2 giờ (90 giờ) (với HS chưa được quy định tại VBQPPL chuyên ngành – bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý)</p> | <p>01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Giấy phép kèm hồ sơ đã kê khai hoàn chỉnh -Đơn đề nghị cấp Giấy phép Thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu MĐ-3 kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 3 | <p>Lãnh đạo Phòng kiểm tra, duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Ban:</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký nháy Giấy phép và trình Lãnh đạo Ban.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3).</p> | Lãnh đạo Phòng QLĐN | 4 giờ | <p>- Hồ sơ kèm Giấy phép VPĐD đã kê khai hoàn chỉnh theo mục 3.2</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết:</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy phép.</p> <p>- Nếu không đồng ý: Phê ý</p> | Lãnh đạo Ban | 4 giờ | <p>- Tờ trình, Hồ sơ kèm Giấy phép VPĐD đã kê khai hoàn chỉnh</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp</p> |

| | | | | |
|----------|--|------------------------|--------|--|
| | kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 4). | | | <p>nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| Bước 5 | Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng QLDN | 04 giờ | <p>- Giấy phép điều chỉnh Văn phòng đại diện</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo Mẫu MĐ-3 Thông tư số 11/2016TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;</p> <p>- Hệ thống biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.</p> <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06)</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01);</p> | | | |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02);- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03);- Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04);- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);- Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06); |
|--|--|

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....

⁶Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung Điều chỉnh:

Lý do Điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁶ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

26. Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (QT-26)

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với Văn phòng đại diện củathương nhân nước ngoài tại các khu công nghiệp. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại ngày 14/6/2005 về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Quyết định số 3500/QĐ-BCT ngày 29/12/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Công thương năm 2020. | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu MD-2 Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; | x | |
| | Đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP bổ sung thêm giấy tờ sau: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 07/2016/NĐ-CP | x | |
| | 2. Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp | | x |
| | 3. Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện | | x |
| | 4. Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------------|---|
| | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công; hoặc - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí: 1.500.000 Đồng | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | <p>Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa - Ban quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ Một cửa sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ hợp lệ (đầy đủ, kê khai theo quy định): Tiếp nhận hồ sơ theo quy định và chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | <p>Phòng chuyên môn tiếp nhận, giao hồ sơ đến Chuyên viên thụ lý:</p> <p>Nếu hồ sơ đảm bảo các yêu cầu quy định, chuyên viên thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, báo cáo trưởng phòng xem xét, ký nháy trình Lãnh đạo Ban ký duyệt.</p> | Chuyên viên phòng QLDN | 3 ngày, 2 giờ (26 giờ) | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Giấy phép đề nghị cấp lại kèm hồ sơ đã kê khai hoàn chỉnh - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo <i>Mẫu MĐ-2 Thông tư số 11/2016/TT-BCT</i> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|---|------------------------|--------|--|
| Bước 3 | <p>Lãnh đạo Phòng kiểm tra, duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Ban:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký nháy Giấy phép và trình Lãnh đạo Ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Phòng QLDN | 4 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ kèm đề nghị cấp lại Giấy phép VPĐD đã kê khai hoàn chỉnh theo mục 3.2 - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy phép. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 4). | Lãnh đạo Ban | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình, Hồ sơ kèm Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã kê khai hoàn chỉnh - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 5 | <p>Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ</p> | Chuyên viên Phòng QLDN | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép cấp lại Văn phòng đại diện - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-</i> |

| | | | | |
|----------|--|--|--|--|
| | | | | <p>VPCP)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo Mẫu MD-2 Thông tư số 11/2016TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Hệ thống biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06); | | | |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Đề nghị cấp lại⁴ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../

⁵Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁴ Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

27. Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (QT-27)

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài trong khu công nghiệp. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại ngày 14/6/2005 về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư 143/2016/TT-BCT ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Quyết định số 3500/QĐ-BCT ngày 29/12/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Công thương năm 2020. | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ-4 Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; | x | |
| | 2. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài | | x |
| | 3. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất | | x |
| | 4. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều | | |

| | | | | |
|------------|---|---|--|--|
| | chỉnh có văn bản nêu rõ lý do. - 13 ngày làm việc trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành). | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | | |
| | - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công; hoặc - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí: | | | |
| | 1.500.000 Đồng | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa - Ban quản lý: - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ Một cửa sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ hợp lệ (đầy đủ, kê khai theo qui định): Tiếp nhận hồ sơ theo quy định và chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa | 2 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ |
| Bước 2 | Phòng chuyên môn tiếp nhận, giao hồ sơ đến Chuyên viên thụ lý Nếu hồ sơ đảm bảo các yêu cầu quy định, chuyên viên thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, báo cáo trưởng phòng xem xét, ký nháy trình Lãnh đạo Ban ký duyệt. - Trường hợp hồ sơ cần phải xác minh, thẩm tra thực tế thì cán bộ phụ trách hồ sơ trực tiếp tiến hành thẩm tra, xác minh, lập biên bản và cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, Trưởng phòng ký nháy. - Trường hợp hồ sơ cần thiết | Chuyên viên phòng QLDN | - 1 ngày, 2 giờ (10 giờ) (với HS hợp lệ theo QĐ) - 11 ngày, 2 giờ (90 giờ) (với HS chưa được quy định tại VBQPPL chuyên ngành – bao gồm cả thời | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Giấy phép đề nghị gia hạn kèm hồ sơ đã kê khai hoàn chỉnh - Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu MĐ-4 Thông tư số 11/2016/TT-BCT - Phiếu kiểm soát quá |

| | | | | |
|--------|---|---------------------|---------------------------------|---|
| | phải thông qua ý kiến của các Sở, ban ngành liên quan thì chuyên viên thụ lý soạn công văn xin ý kiến đến Các Sở, ngành liên quan. Công văn xin ý kiến chuyên viên thụ lý cũng ký nháy kết thúc văn bản, Trưởng phòng ký nháy trình Lãnh đạo Ban. | | gian lấy ý kiến của Bộ quản lý) | trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng kiểm tra, duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Ban: - Nếu đồng ý: Ký nháy Giấy phép và trình Lãnh đạo Ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Phòng QLDN | 4 giờ | - Hồ sơ kèm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập VPĐD đã kê khai hoàn chỉnh theo mục 3.2 - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 4 | Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy phép. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 4). | Lãnh đạo Ban | 4 giờ | - Tờ trình, Hồ sơ kèm Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã kê khai hoàn chỉnh - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|--|---|------------------------|-------|--|
| Bước 5 | Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng QLDN | 4 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| <p>1. Mẫu Đơn đề nghị cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo Mẫu MĐ-4 Thông tư số 11/2016TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Hệ thống biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06); | | | | |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

⁷Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời Điểm gia hạn: ... người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài: ... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁷ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

28. Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (QT-28)

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong các khu công nghiệp. Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 3 | Nội dung quy trình | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BTM ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định 3500/QĐ-BCT phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2020</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo Mẫu TB Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; | x | |
| | 2. Văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) | x | |
| | 3. Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội | x | |
| | 4. Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động | x | |
| | 5. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện | | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | |
| | - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công; hoặc - Dịch vụ bưu chính. | | | |
| 3.6 | Lệ phí: Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa - Ban quản lý: - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ Một cửa sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ hợp lệ (đầy đủ, kê khai theo qui định): Tiếp nhận hồ sơ theo quy định và chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa | 04 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ |
| Bước 2 | Phòng chuyên môn tiếp nhận, giao hồ sơ đến Chuyên viên thụ lý: Nếu hồ sơ đảm bảo các yêu cầu quy định, chuyên viên thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản liên quan, ký tắt, báo cáo trưởng phòng xem xét, ký nháy trình Lãnh đạo Ban ký duyệt. | Chuyên viên phòng QLĐN | 8 giờ | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo Mẫu TB Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng kiểm tra, duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Ban: | Lãnh đạo Phòng | 4 giờ | - Tờ trình, văn bản thông báo Thông tin công bố |

| | | | | |
|--------|---|--------------|-------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký nháy Giấy phép và trình Lãnh đạo Ban. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | QLDN | | <p>trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội kèm hồ sơ đã kê khai hoàn chỉnh theo mục 3.2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Ban xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Phê duyệt thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý. - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 4). | Lãnh đạo Ban | 4 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình, văn bản thông báo Thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội kèm hồ sơ đã kê khai hoàn chỉnh - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--|---|------------------------|--------|--|
| Bước 5 | Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng QLDN | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| <p>+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo Mẫu TB Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;</p> <p>1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo Mẫu TB Thông tư số 11/2016/TT-BCT do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Hệ thống biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. <p>2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03); - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05); - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06); | | | | |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ... /.../.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm.....

¹¹Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:
2. Bảo hiểm xã hội:.....
3. Các Khoản khác:.....
4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:

Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹¹ Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này.

III- LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

29. Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (QT-29)

| | | | |
|------------|--|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính Thừa nhận Nội quy lao động cho các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp và cách thức phối hợp giữa các bộ phận với bộ phận một cửa của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đảm bảo tuân thủ đầy đủ các qui định của nhà nước và đáp ứng nhanh nhất yêu cầu của công dân. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các DN trong các Khu công nghiệp của Hà Nội | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | - Luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; - Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố bộ TTHC; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị đăng ký Nội quy Lao động; | x | |
| | 2. Nội quy lao động: 02 quyền nội quy Nội dung của bản Nội quy lao động bao gồm những nội dung chủ yếu được quy định trong Khoản 2 Điều 118 của Bộ luật Lao động năm 2019; | x | |
| | 3. Văn bản góp ý của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở | x | |
| | 4. Các văn bản của người sử dụng lao động có qui định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có). | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 01 bộ hồ sơ (trong đó có 02 quyền nội quy lao động) | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | - 06 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ bản cứng đầy đủ, hợp lệ - 06 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ nộp trên hệ thống + 08 tiếng làm việc | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | |
| | - Cổng dịch vụ công trực tuyến dvc.vieclamvietnam.gov.vn của Bộ LĐTBXH; hoặc nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia; hoặc nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính; - Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội- Tòa nhà CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội: | | |
| 3.6 | Lệ phí | | |

| | | | | |
|------------|---|--|--------------------|---|
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Bộ phận “Một cửa” Ban Quản lý kiểm tra đầu mục hồ sơ. Trường hợp Hồ sơ chưa hợp lệ, hướng dẫn doanh nghiệp chỉnh sửa, bổ sung. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn để thẩm định. | Công chức tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa | 02 giờ | -Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| Bước 2 | Trưởng phòng quản lý doanh nghiệp tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận 1 của chuyên viên phòng thẩm định: Hồ sơ nộp trực tiếp Hồ sơ nộp online | Lãnh đạo Phòng QLDN | 2 giờ 2 giờ | |
| Bước 3 | Chuyên viên (phòng Quản lý doanh nghiệp) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: B3.1: Trường hợp Hồ không đáp ứng quy định pháp luật: - Chuyên viên thụ lý hồ sơ thẩm định ghi rõ lý do yêu cầu bổ sung, chuyển đến Lãnh đạo Phòng để xin ý kiến; - Lãnh đạo phòng chấp thuận ý kiến thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Ban; - Lãnh đạo Ban duyệt trả lời DN. | - Chuyên viên, Lãnh đạo phòng QLDN - Lãnh đạo Ban | 42 giờ | Yêu cầu DN bổ sung hồ sơ. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | | | | |
|--------|---|--|--------|---|
| | <p>B3.2: Trường hợp Hồ sơ đáp ứng quy định pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên thụ lý thẩm định hồ sơ, ghi rõ ý kiến thẩm định hồ sơ hợp lệ chuyển đến lãnh đạo phòng xin ý kiến; - Lãnh đạo phòng chấp thuận ý kiến thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Ban; - Lãnh đạo Ban duyệt hồ sơ. | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên, Lãnh đạo phòng QLDN - Lãnh đạo Ban | 42 giờ | <p>Duyệt hồ sơ hợp lệ</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 4 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản - Chuyển kết quả xử lý tới bộ phận TN&TKQ để trả cho doanh nghiệp <p>Thực hiện lưu trữ theo quy định</p> | Chuyên viên phòng QLDN | 2 giờ | <p>Trả kết quả hồ sơ hợp lệ được duyệt</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 5 | <p>Nộp hồ sơ gốc: (Đối với doanh nghiệp nộp hồ sơ trên mạng điện tử)</p> <p>Sau khi Hồ sơ trên mạng điện tử đã được duyệt, DN nộp hồ sơ bản giấy tại bộ phận Một cửa – Ban Quản lý.</p> <p>Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ bản giấy đến phòng chuyên môn để đối chiếu, trình ký và lưu theo quy định.</p> | Bộ phận Một cửa | 1 giờ | <p>Tiếp nhận hồ sơ gốc</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 6 | <p>Đối chiếu hồ sơ gốc với hồ sơ đã được duyệt trên mạng điện tử.</p> <p>B6.1.Trường hợp không trùng khớp: Chuyên viên</p> | Chuyên viên phòng QLDN | 3 giờ | <p>1. Văn bản trả hồ sơ, Nêu rõ lý do;</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình</p> |

| | | | | |
|----------|---|------------------------|--------|---|
| | <p>thụ lý, thẩm định hồ sơ, soạn văn bản trả hồ sơ nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo phòng để trình lãnh đạo Ban ký trả hồ sơ.</p> <p>B6.2.Trường hợp trùng khớp: Chuyên viên thụ lý hồ sơ soạn văn bản thừa nhận NQLĐ, chuyển đến Lãnh đạo phòng để kiểm tra, ký tắt, trình Lãnh đạo Ban ký.</p> | | | <p>giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>2. Tờ trình, văn bản thừa nhận NQLĐ.</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 7 | Lãnh đạo phòng kiểm tra hồ sơ, kỹ nháy và trình lãnh đạo Ban ký | Lãnh đạo phòng QLDN | 02 giờ | <p>- Dự thảo Văn bản thừa nhận NQLĐ hoặc văn bản trả hồ sơ</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban ký Giấy xác nhận hoặc văn bản trả hồ sơ để doanh nghiệp hoàn chỉnh | Lãnh đạo Ban | 1 giờ | <p>- văn bản thừa nhận NQLĐ hoặc văn bản trả hồ sơ</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 9 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản - Chuyển kết quả xử lý tới bộ phận TN&TKQ để trả cho doanh nghiệp - Thực hiện lưu trữ theo quy định | Chuyên viên phòng QLDN | 01 giờ | <p>- Văn bản thừa nhận NQLĐ hoặc văn bản trả hồ sơ</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>-Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> | | | |

30. Thủ tục đăng ký kế hoạch đưa người lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày (QT-30)

| | | | |
|------------|---|-----------|---------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính Đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày và cách thức phối hợp giữa các bộ phận với bộ phận một cửa của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đảm bảo tuân thủ đầy đủ các qui định của nhà nước và đáp ứng nhanh nhất yêu cầu của công dân. | | |
| 2 | Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức trong và ngoài nước trong Khu công nghiệp | | |
| 3 | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài 2006; - Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNN ngày 04/9/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Quyết định số 1632/QĐ-LĐTBXH ngày 06/11/2015 của Bộ LĐTBXH về công bố TTHC của bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (bản chính, theo mẫu số 06, Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH). | x | |
| | 2. Hợp đồng nhận lao động thực tập, có bản dịch bằng tiếng Việt. | | x |
| | 3. Tài liệu chứng minh việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động (hộ chiếu). | | x |
| | 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | | x |
| | 5. Giấy xác nhận ký quỹ của doanh nghiệp do ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp ký quỹ cấp | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: | | |
| | 02 (hai) bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |

| | | | | |
|------------|---|---|----------------------|--|
| | 05 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Công dịch vụ công quốc gia; hoặc công dịch vụ công thành phố Hà Nội; hoặc nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính; - Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội- Tòa nhà CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội: | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| Bước 1 | Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa - BQL: Cán bộ một cửa kiểm tra đầu mục hồ sơ và tiếp nhận nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn DN chỉnh sửa, bổ sung theo quy định; trường hợp hồ sơ hợp lệ (đủ đầu mục hồ sơ được kê khai theo qui định) thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến phòng chuyên môn. | Công chức tiếp nhận tại Bộ phận một cửa | 2 giờ | -Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) -Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) |
| Bước 2 | Trưởng phòng quản lý doanh nghiệp tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận 1 cửa chuyển chuyên viên phòng thẩm định: Hồ sơ nộp trực tiếp | Lãnh đạo Phòng QLDN | 2 giờ | |
| Bước 3 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định của pháp luật, đủ điều kiện cấp phép, cán bộ thụ lý soạn thảo văn bản phê duyệt, báo cáo Trưởng phòng kiểm tra, ký tắt, trình Lãnh đạo Ban ký. - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định của pháp luật, cán bộ thụ lý soạn thảo văn bản đề nghị doanh | Chuyên viên, Lãnh đạo phòng QLDN | 28 giờ 28 giờ | Văn bản phê duyệt hoặc văn bản yêu cầu DN chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản từ chối phê duyệt Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 |

| | | | | |
|----------|--|------------------------|-------|---|
| | <p>ngành bổ sung hồ sơ hoặc từ chối cấp phép, báo cáo Trưởng phòng kiểm tra và ký tắt, trình lãnh đạo Ban ký.</p> | | | <p><i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i></p> |
| | <p>Lãnh đạo phòng tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: TP ký tắt văn bản, trình Lãnh đạo Ban ký duyệt. - Trường hợp không hợp lệ: ghi rõ ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết hồ sơ (quay lại bước 3). | Lãnh đạo phòng QLDN | 4 giờ | <p>Văn bản phê duyệt hoặc văn bản yêu cầu DN chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản từ chối phê duyệt</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 4 | <p>Lãnh đạo Ban ký văn bản phê duyệt hoặc văn bản trả hồ sơ để doanh nghiệp hoàn chỉnh hoặc văn bản từ chối phê duyệt.</p> | Lãnh đạo Ban | 2 giờ | <p>Văn bản phê duyệt hoặc văn bản yêu cầu DN chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản từ chối phê duyệt</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| Bước 5 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản - Chuyển kết quả xử lý tới bộ phận TN&TKQ để trả cho doanh nghiệp <p>Thực hiện lưu trữ theo quy định</p> | Chuyên viên phòng QLDN | 2 giờ | <p>Văn bản phê duyệt hoặc văn bản yêu cầu DN chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản từ chối phê duyệt</p> <p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>) | | | |

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">-Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>)- Văn bản Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (<i>Mẫu số 06, Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH</i>). |
|--|

Phụ lục số 06

Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH
ngày 08 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Tên doanh nghiệp **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN LAO ĐỘNG THỰC TẬP

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất (thành phố)...

1. Tên doanh nghiệp:
- Tên giao dịch:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập làm việc tại đã ký ngày tháng năm với đối tác
- Địa chỉ của tổ chức tiếp nhận lao động thực tập:
- Điện thoại:; Fax:
- Người đại diện:
- Chức vụ:
3. Những nội dung chính trong Hợp đồng nhận lao động thực tập:
 - Số lượng:, trong đó nữ:
 - Ngành nghề:, trong đó: số có nghề:, số không nghề:
 - Nơi thực tập (*Tên nhà máy, công trường, viện điều dưỡng, trường học, tàu vận tải, tàu cá,*):
 - Địa chỉ nơi thực tập:
 - Thời hạn hợp đồng:
 - Thời gian thực tập (*giờ/ngày*);; số ngày thực tập trong tuần:
 - Mức lương cơ bản:
 - Các phụ cấp khác (*nếu có*):
 - Chế độ làm thêm giờ, làm thêm vào ngày nghỉ, ngày lễ:
 - Điều kiện ăn, ở:
 - Các chế độ bảo hiểm người lao động được hưởng tại nước đến thực tập:
 - Bảo hộ lao động tại nơi thực tập:
 - Các chi phí do đối tác đài thọ:
 - Vé máy bay:
4. Chi phí người lao động phải trả trước khi đi (*nếu có*):
 - Vé máy bay:

- Học phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết:
- Bảo hiểm xã hội (*®óng cho cơ quan BHXH Việt Nam*):
- Vé máy bay lượt đi:
- Visa:
- Thu khác (*nếu có, ghi cụ thể các khoản*):

5. Các khoản thu từ tiền lương của người lao động trong thời gian thực tập ở nước ngoài (*thuế hoặc các loại phí theo quy định của nước đến thực tập, ...*):
.....

6. Dự kiến thời gian xuất cảnh:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

IV - LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

31. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (QT-31)

| | |
|------------|---|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định thống nhất trình tự và cách thức thẩm định, cấp giấy phép xây dựng mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Ban, các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện, kiểm soát tuân thủ quy trình này. |
| 3. | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; 2. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; 3. Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng; 4. Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 5. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân số 06/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020 và số 07/2023/NQ-HĐND ngày 4/7/2023 quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố. 6. Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; Quyết định số 01/2023/QĐ- |

| | | | |
|---|--|------------------|----------------|
| | UBND ngày 06/01/2023; Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 20/7/2022. 7. Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND Thành phố. | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 3.2.1 Đối với công trình không theo tuyến. | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 04 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ | | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | <p>yếu của công trình;</p> <p>+ Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng;</p> <p>+ Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình;</p> <p>+ Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> | | |
| 05 | Bản sao hoặc mã số chứng chỉ hành nghề của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình được cấp theo quy định. | | x |
| 3.2.2 Đối với công trình theo tuyến. | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai; | | x |
| 03 | <p>- Quyết định phê duyệt dự án;</p> <p>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</p> <p>- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;</p> <p>- Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;</p> | | x |

| | | | |
|--|--|---|---|
| 04 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | x | |
| 3.2.3 Đối với công trình tín ngưỡng | | | |
| 01 | <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”</p> | x | |
| 02 | <p>Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> | | x |
| 03 | <p>Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> | | x |
| 04 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản | x | |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề. | | |
| 3.2.4 Đối với công trình tôn giáo | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | x |
| 04 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 05 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; | x | |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | | |
| <p><i>Đối với hồ sơ cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại mục 3.2.3 và 3.2.4 khoản này, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</i></p> | | | |
| <p>3.2.5 Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng.</p> | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 04 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: | x | |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | | |
| 05 | Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. | | x |
| 3.2.6 Đối với hồ sơ cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn không theo tuyến | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 04 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của | x | |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | <p>pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | | |
| 3.2.7 Đối với hồ sơ cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn theo tuyến | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến; quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 04 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng | x | |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | <p>triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | | |
| 3.2.8 Đối với hồ sơ cấp giấy phép xây dựng cho dự án, nhóm công trình thuộc dự án | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai của nhóm Công trình hoặc toàn bộ dự án. | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 04 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng của từng công trình trong nhóm Công | x | |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | <p>trình hoặc toàn bộ dự án đã được phê duyệt, gồm:</p> <p>a) Đối với công trình không theo tuyến:</p> <p>Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án đối với công trình không theo tuyến; <p>b) Đối với công trình theo tuyến:</p> <p>Bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sơ đồ vị trí tuyến công trình; + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; + Bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án đối với công trình theo tuyến. | | |
| 05 | <p>Bản sao hoặc mã số chứng chỉ hành nghề của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình được cấp theo quy định.</p> | | x |
| 3.2.9 Đối với hồ sơ cấp giấy phép xây dựng cho công trình quảng cáo | | | |
| | Thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo. | | |

| 3.2.10 Đối với hồ sơ cấp giấy phép xây dựng cho công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế | | | | | |
|---|---|--------------------|------------------|-------------------------|--|
| | Đối với Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tương ứng tại mục 3.2.1 hoặc 3.2.2 và các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam. | | | | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | | | |
| | 01 bộ | | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý | | | | |
| | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | | | |
| 3.6 | Phí/Lệ phí | | | | |
| | Thu theo quy định | | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm | |

| | | | | |
|-----------|---|--|-------------------------------|---|
| B1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện:</p> <p>Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn, Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn (chuyển sang B2).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Hướng dẫn công dân thực hiện.</p> | <p>Công chức tiếp nhận tại Bộ phận một cửa</p> | <p>0,5 ngày</p> | <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>).</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| B2 | <p>Tiếp nhận, kiểm tra và phân công thụ lý hồ sơ:</p> <p>Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ</p> | <p>Trưởng phòng QLQHXD</p> | <p>0,5 ngày</p> | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Hồ sơ theo Mục 3.2</p> |
| B3 | <p>Giải quyết hồ sơ, kiểm tra thực địa:</p> <p>B3.1. Kiểm tra hồ sơ và thực địa tại hiện trường và Soạn thảo văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý (nếu cần thiết).</p> <p>- <i>Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý (Thời gian 0,5 ngày);</i></p> <p>- <i>Thời gian có văn bản trả lời của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý không quá 2 ngày làm việc;</i></p> <p>B3.2. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định theo quy định</p> <p>Sau khi kiểm tra thực địa, tiến hành soạn thảo văn bản thông báo lý do</p> | <p>Chuyên viên phòng QHXD</p> <p>Chuyên viên phòng</p> | <p>4 ngày</p> <p>0,5 ngày</p> | <p>- Biên bản kiểm tra;</p> <p>- Văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải</p> |

| | | | |
|---|------------------------|----------|---|
| hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép theo quy định | QHXD | | <p>quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải</p> |

| | | | |
|--|------------------------|----------|---|
| | | | quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B3.3(Trường hợp 1). Sau khi kiểm tra thực địa, tổng hợp văn bản góp ý của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý và thẩm định hồ sơ tiến hành soạn văn bản trả hồ sơ hoặc đề nghị bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| a. Tiếp nhận bổ sung lần 1: Tiếp nhận hồ sơ đã được bổ sung theo thông báo, tiến hành rà soát thẩm định. Hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu theo thông báo, tiến hành soạn văn bản đề nghị tiếp tục bổ sung | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ lần 2 (Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|---|
| | b. Tiếp nhận bổ sung lần 2: Tiếp tục tiếp nhận hồ sơ đã được bổ sung theo thông báo lần 2, tiến hành rà soát thẩm định. Hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu theo thông báo lần 2, tiến hành soạn văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép | Chuyên viên phòng QHXD | 1,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| | - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | <u>B3.4 (Trường hợp 2).</u> Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | |
| | Sau khi kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa (bao gồm cả trường hợp tiếp nhận các ý kiến chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu). Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành soạn dự thảo Tờ trình và kết quả giải quyết | Chuyên viên phòng QHXD | 4,5 ngày | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B4 | Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Giấy phép xây |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|--|
| | | | | <p>dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B5 | <p>Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng (Chuyển sang bước 6) - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng. - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B6 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyển kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên Phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |

| | |
|----------|--|
| 4 | Biểu mẫu |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Quyết định phê duyệt dự án theo mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06): <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01). + Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02). + Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03). + Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04). + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05). + Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). |

Ghi chú:

- Thời gian lấy ý kiến cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thụ lý hồ sơ cấp giấy phép xây dựng.

- Trường hợp hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính : Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực, bản sao điện tử.

- Trường hợp hồ sơ gửi thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản sao điện tử.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định nêu trên là bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng được thực hiện theo Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

- Trong các trường hợp sau đây chủ đầu tư phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản về việc đã có đủ điều kiện về quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để cấp giấy phép xây dựng:

a) Giấy tờ đã hết thời hạn (đối với giấy tờ có quy định thời hạn).

b) Có tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình.

c) Ô đất xây dựng công trình chưa giải phóng mặt bằng toàn bộ hoặc một phần.”

- Trong trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đang thế chấp quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu công trình: Chủ đầu tư phải được bên nhận thế chấp chấp thuận đầu tư vào tài sản thế chấp bằng văn bản.

- Các biểu mẫu từ 1-6 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, biểu mẫu số 7 có nội dung mô tả đầy đủ các yêu cầu về công tác thụ lý hồ sơ theo quy định, gồm: Thông tin về hồ sơ, Kết quả kiểm tra, Kết luận và đề xuất, Kết quả thụ lý hồ sơ, Ý kiến đề xuất; biểu mẫu số 8,9 quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dời công trình)*

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ: số nhà: đường/phố:
- phường/xã: quận/huyện: tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: đường/phố
- phường/xã: quận/huyện:
- tỉnh, thành phố:

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình:Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).
- Số tầng:(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình:Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Chiều cao công trình:m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m²(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình:Cấp công trình:

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

Đã được: phê duyệt, theo Quyết định số: ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².

- Tổng diện tích sàn: m².

- Chiều cao công trình: m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số: Diện tích: m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU
TU**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt dự án (tên dự án...)*****(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có)

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án (tên dự án....) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:
10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

***Ghi chú:** Mẫu số 03 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG
(Tên công trình ...)**

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm ... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc...;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
- Tên dự án:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu khảo sát xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng:

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình, bộ phận công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận.

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

| STT | Nội dung chi phí | Giá trị đề nghị thẩm tra | Giá trị sau thẩm tra | Tăng, giảm (+;-) |
|-----|--------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------|
| 1 | Chi phí xây dựng | | | |
| 2 | Chi phí thiết bị (nếu có) | | | |
| 3 | Chi phí quản lý dự án | | | |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | | | |
| 5 | Chi phí khác | | | |
| 6 | Chi phí dự phòng | | | |
| | Tổng cộng | | | |

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra).

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

32. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (QT-32)

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định, cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 2 | Phạm vi - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo công trình thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này. | | |
| 3. | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | Như mục 3.1 (QT- 36) | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, theo quy định của pháp luật. | | x |
| 03 | Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo. | x | |
| 04 | Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại Điều 43 hoặc Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết | x | |

| | | | |
|------------|---|--|---|
| | một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. | | |
| 05 | Đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý | | |
| | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | |
| | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | |
| 3.6 | Phí/Lệ phí | | |
| | Theo quy định | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | |
| | Như mục 3.7 (QT- 36) | | |
| 4 | Biểu mẫu | | |
| | Như mục 4 (QT- 36) | | |

33. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) -(QT-33)

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 1 | Mục đích: Quy định thống nhất trình tự thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | |
| 2 | Phạm vi - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này. | | |
| 3. | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | Như mục 3.1 (QT- 36) | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 01 | Đơn đề nghị điều chỉnh GPXD công trình theo mẫu | x | |
| 02 | Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp | x | |
| 03 | Bản vẽ thiết kế liên quan đến phần điều chỉnh so với thiết kế đã được cấp giấy phép xây dựng: 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46 hoặc Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. | x | |
| 04 | Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh (trừ nhà ở riêng lẻ) của chủ đầu tư, trong đó phải | | x |

| | | | |
|------------|--|--|--|
| | có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường | | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý | | |
| | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | |
| | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | |
| 3.6 | Phí/Lệ phí | | |
| | Không | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | |
| | Như mục 3.7 (QT- 36) | | |
| 4 | Biểu mẫu | | |
| | Như mục 4 (QT- 36) | | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà: đường (phố)..... phường (xã)

quận (huyện) tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: Diện tích..... m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:.....

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:.....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

34. Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (QT-34)

| | |
|-----|---|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định thống nhất trình tự và các bước tiến hành thẩm định Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình nhóm A, B, C thuộc thẩm quyền thẩm định của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về XD/CB, kế hoạch cải cách hành chính, phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thẩm định. |
| 2 | <p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công trình thuộc đối tượng thẩm định theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ; - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Ban, các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện, kiểm soát tuân thủ quy trình này. |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ - Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 20/7/2022. - Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND Thành phố. - Các văn bản quy định, hướng dẫn khác của Chính phủ, Bộ Xây dựng và UBND Thành phố về cải cách hành chính và xây dựng cơ bản. |

| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
|-----|---|-----------|----------|
| | - Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; | X | |
| | - Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư; | | X |
| | - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu); | | X |
| | - Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng; | | X |
| | <p>- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);</p> <p>Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;</p> | | X |
| | - Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) | | X |

| | | | |
|------------|---|----------|----------|
| | (nếu có); | | |
| | - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có); | | X |
| | - Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án; | X | |
| | - Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; | | X |
| | - Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có). | X | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | - 01 bộ hồ sơ; trong trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan Chủ đầu tư bổ sung hồ sơ để lấy ý kiến các đơn vị. | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <p>- Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi được tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ và theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH13 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm A; - Không quá 20 ngày đối làm việc với dự án nhóm B; - Không quá 12 ngày đối với dự án nhóm C. <p>- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng được giao thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thuộc trách nhiệm của Người quyết định đầu tư, thời gian thẩm định kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm A; - Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B; - Không quá 17 ngày đối với dự án nhóm C. | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | |
| | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | ché xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Thu theo quy định | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| B1 | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 0,5 ngày | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B2 | Tiếp nhận, kiểm tra và phân công thụ lý hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | Trưởng phòng QLQHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ theo Mục 3.2 |
| | <u>B2.1 (Trường hợp 1).</u> Hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Soạn văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 2,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|---|
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <i>(Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</i> |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên Phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | B2.2 (Trường hợp 2). Hồ sơ chưa đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Soạn văn bản thông báo hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (thông báo một lần), thực hiện thẩm tra hồ sơ (nếu có) | Chuyên viên phòng QHXD | 2,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ <i>(Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</i> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ <i>(Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</i> |
| | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa. + Thời gian để Chủ đầu tư hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 20 ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. + Thời gian thực hiện thẩm tra dự án trong thời gian thẩm định và không quá thời gian Mục 3.4 | Chuyên viên Phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | B2.3 (Trường hợp 3). Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: Chuyển sang Bước 3 (B3) | | | |
| B3 | Giải quyết hồ sơ (Tổ chức thẩm định): | | | |
| | 1. Lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan | | | |
| | - Soạn thảo văn bản lấy ý kiến về nội dung liên quan đến hồ sơ. | Chuyên viên phòng QHXD | 1 ngày | Văn bản đề nghị cho ý kiến về hồ sơ dự án |

| | | | |
|--|-------------------------------|---|---|
| <p>- Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký (ký chính thức vào văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý; Ký nháy vào văn bản lấy ý kiến liên thông với các cơ quan, tổ chức có liên quan).</p> | <p>Trưởng phòng QHXD</p> | <p>0,5 ngày</p> | <p>gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> |
| <p>- Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản lấy ý kiến.</p> | <p>Lãnh đạo Ban</p> | <p>0,5 ngày</p> | |
| <p>- Gửi văn bản kèm hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức có liên quan và các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý sau khi Văn thư phát hành văn bản.</p> <p><i>+ Thời gian có văn bản trả lời của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý không quá 2 ngày làm việc;</i></p> <p><i>+ Thời gian trả lời của các cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 07 ngày làm việc.</i></p> | <p>Chuyên viên phòng QHXD</p> | <p>0,5 ngày</p> | |
| <p>Thực hiện thẩm định:</p> <p>Sau khi có ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, tiến hành thực hiện:</p> | | | |
| <p><u>a:</u> Ý kiến của các cơ quan, tổ chức đề nghị đơn vị bổ sung, chỉnh sửa hoặc cần làm rõ: Quay lại bước B2.2 (trường hợp 2)</p> | | | |
| <p><u>b:</u> Ý kiến của các cơ quan, tổ chức thống nhất với hồ sơ của dự án:</p> <p>Chuyên viên thẩm định dự án theo những nội dung theo quy định của pháp luật, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, soạn dự thảo Tờ trình và kết quả giải quyết.</p> <p>Tạm dừng, dừng thẩm định:</p> | <p>Chuyên viên Phòng QHXD</p> | <p>- Không quá 3 và 8 ngày đối với nhóm C (tùy từng đối tượng);</p> <p>- Không quá 11 ngày đối với nhóm B;</p> <p>- Không quá 16 ngày đối</p> | <p>- Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ,</p> <p>- Văn bản thẩm định.</p> <p>- Thông báo nộp lệ phí thẩm định</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình</p> |

| | | | | |
|-----------|---|-------------------|------------|--|
| | Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì Ban Quản lý dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu. | | với nhóm A | giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B4 | Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thẩm định. - Thông báo nộp lệ phí thẩm định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B5 | <p>Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại Bước 2 - B2.2). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thẩm định. - Thông báo nộp lệ phí thẩm định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|----------|---|
| | | | | 01/2018/TT-VPCP) |
| B6 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyển kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả thẩm định; - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06): <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01). + Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02). + Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03). + Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04). + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05). + Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

35. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (QT-35)

| | |
|-----|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định thống nhất trình tự và cách thức thẩm định thiết kế, dự toán và thiết kế, dự toán điều chỉnh xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về XDCB, kế hoạch cải cách hành chính, phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thẩm định. |
| 2 | <p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công trình thuộc đối tượng thẩm định theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ; - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Ban, các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện, kiểm soát tuân thủ quy trình này. |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023. - Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 20/7/2022. - Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND Thành phố. - Các văn bản quy định, hướng dẫn khác của Chính phủ, Bộ Xây dựng và UBND Thành phố về cải cách hành chính và xây dựng cơ bản. |
| 3.2 | <p>Thành phần hồ sơ:</p> |
| | <p>Bản chính</p> |
| | <p>Bản sao</p> |

| | | | |
|------------|---|---|---|
| | - Tờ trình thẩm định quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; | X | |
| | - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); | | X |
| | - Văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) và các văn bản khác có liên quan; Thủ tục về phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc; | | X |
| | - Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định; | X | |
| | - Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có); | | X |
| | - Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có). | X | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | - 01 bộ hồ sơ; trong trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan Chủ đầu tư bổ sung hồ sơ để lấy ý kiến các đơn vị. | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | Thời gian thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và theo quy định tại | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|--|
| | Khoản 7 Điều 38 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ như sau: - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp I và cấp đặc biệt; - Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 15 ngày đối với công trình còn lại. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | | |
| | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | |
| | Thu theo quy định | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| B1 | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 0,5 ngày | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B2 | Tiếp nhận, kiểm tra và phân công thụ lý hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | Trưởng phòng QLQHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|---|------------------------|----------|--|---|
| | | | | - Hồ sơ theo Mục 3.2 |
| B2.1 (Trường hợp 1). Hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Soạn văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 2,5 ngày | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | | |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên Phòng QHXD | 0,5 ngày | | |
| B2.2 (Trường hợp 2). Hồ sơ chưa đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Soạn văn bản thông báo hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (thông báo một lần), thực hiện thẩm tra hồ sơ (nếu có) | Chuyên viên phòng QHXD | 2,5 ngày | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | | |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | | |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa. + Thời gian để Chủ đầu tư hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 20 ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. + Thời gian thực hiện thẩm tra dự án trong thời gian thẩm định và | Chuyên viên Phòng QHXD | 0,5 ngày | | |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|--|
| | <i>không quá thời gian Mục 3.4</i> | | | |
| | B2.3 (Trường hợp 3). Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: Chuyển sang Bước 3 (B3) | | | |
| B3 | Giải quyết hồ sơ (Tổ chức thẩm định): | | | |
| | 1. Lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan | | | |
| | - Soạn thảo văn bản lấy ý kiến về nội dung liên quan đến hồ sơ. | Chuyên viên phòng QHXD | 1 ngày | Văn bản đề nghị cho ý kiến về hồ sơ dự án gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan. |
| | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký (ký chính thức vào văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý; Ký nháy vào văn bản lấy ý kiến liên thông với các cơ quan, tổ chức có liên quan). | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản lấy ý kiến. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| | - Gửi văn bản kèm hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức có liên quan và các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý sau khi Văn thư phát hành văn bản. + Thời gian có văn bản trả lời của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý không quá 2 ngày làm việc ; + Thời gian trả lời của các cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 07 ngày làm việc . | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | Thực hiện thẩm định: Sau khi có ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, tiến hành thực hiện: | | | |
| | a) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức đề nghị đơn vị bổ sung, chỉnh sửa hoặc cần làm rõ: Quay lại bước B2.2 (trường hợp 2) | | | |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|--|---|
| | <p>b) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức thống nhất với hồ sơ của dự án:</p> <p>Chuyên viên thẩm định dự án theo những nội dung theo quy định của pháp luật, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, soạn dự thảo Tờ trình và kết quả giải quyết.</p> <p>Tạm dừng, dừng thẩm định:</p> <p>Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì Ban Quản lý dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.</p> | Chuyên viên Phòng QHXD | <ul style="list-style-type: none"> - Không quá 21 ngày đối với công trình cấp I và cấp đặc biệt; - Không quá 16 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 06 ngày đối với công trình còn lại | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thẩm định. - Thông báo nộp lệ phí thẩm định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B4 | <p>Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban</p> | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thẩm định. - Thông báo nộp lệ phí thẩm định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B5 | <p>Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng</p> | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thẩm định. |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|---|
| | - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại Bước 2 - B2.2). | | | - Thông báo nộp lệ phí thẩm định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B6 | Hoàn thiện hồ sơ: - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyển kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Thông báo kết quả thẩm định; - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>- Tờ trình thẩm định quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Báo cáo kết quả thẩm tra tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01). + Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02). + Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03). + Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04). + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05). + Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH**Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở****Kính gửi:** (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:(xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
12. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt dự án (tên dự án...)*****(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có)

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án (tên dự án...) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:
13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):
14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):
15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

***Ghi chú:** Mẫu số 03 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG
(Tên công trình ...)

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm ... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc...;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.

- Tên dự án:

- Chủ đầu tư:

- Giá trị dự toán xây dựng:

- Nguồn vốn:

- Địa điểm xây dựng:

- Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu thiết kế xây dựng:

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý: (Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)
2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.
(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình, bộ phận công trình)
3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:
- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận.

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

- a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
- b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng;
- c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

| STT | Nội dung chi phí | Giá trị đề nghị thẩm tra | Giá trị sau thẩm tra | Tăng, giảm (+;-) |
|-----|--------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------|
| 1 | Chi phí xây dựng | | | |
| 2 | Chi phí thiết bị (nếu có) | | | |
| 3 | Chi phí quản lý dự án | | | |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | | | |
| 5 | Chi phí khác | | | |
| 6 | Chi phí dự phòng | | | |
| | Tổng cộng | | | |

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra).

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

36. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (QT-36)

| | | | |
|-----|---|------------------|----------------|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định thống nhất trình tự và cách thức thực hiện cấp gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 2 | <p>Phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này. | | |
| 3. | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | Như mục 3.1 (QT- 36) | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 01 | Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu | x | |
| 02 | Bản chính Giấy phép xây dựng đã được cấp | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý | | |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|---|
| | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | |
| | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> <p>- Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.</p> | | | |
| 3.6 | Phí/Lệ phí | | | |
| | Theo quy định | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 0,5 ngày | <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>).</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| B2 | Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng tiếp nhận hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công cán bộ thụ lý hồ sơ | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Hồ sơ theo Mục 3.2</p> |
| B3 | Thụ lý thẩm định hồ sơ theo các | | | |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|---|
| | quy định pháp luật: | | | |
| | B3.1. Hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| | - Soạn văn bản trả hồ sơ nói rõ lý do từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 01 ngày | |
| | - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 02 giờ | |
| | B3.2. Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: Chuyên viên Soạn Tờ trình báo cáo về hồ sơ; văn bản gia hạn giấy phép xây dựng; Thông báo lệ phí gia hạn giấy phép. | Chuyên viên phòng QHXD | 01 ngày | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản gia hạn giấy phép xây dựng; Thông báo nộp lệ phí gia hạn giấy phép - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B4 | Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản gia hạn giấy phép xây dựng - Thông báo nộp lệ phí gia hạn |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|--------|--|
| | | | | giấy phép - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018//TT-VPCP</i>) |
| B5 | Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản gia hạn giấy phép xây dựng - Thông báo nộp lệ phí gia hạn giấy phép - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018//TT-VPCP</i>) |
| B6 | Hoàn thiện hồ sơ: - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyên kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên phòng QHXD | 02 giờ | - Văn bản gia hạn giấy phép xây dựng - Thông báo nộp lệ phí gia hạn giấy phép - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018//TT-VPCP</i>) |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | Như mục 4 (QT- 36) | | | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: đường (phố)..... phường (xã)
- quận (huyện) tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích..... m².
- Tại: đường:
- phường (xã) quận (huyện)
- tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*
- Nội dung Giấy phép:.....
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:.....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.
6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU
TU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

37. Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (QT-37)

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định thống nhất trình tự và cách thức thực hiện cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 2 | <p>Phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này. | | |
| 3. | Nội dung quy trình: | | |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý | | |
| | Như mục 3.1 (QT- 36) | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 01 | Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng | x | |
| 02 | Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp đối với trường hợp bị rách, nát. | x | |
| 03 | Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng của chủ đầu tư đối với trường hợp bị thất lạc giấy phép xây dựng. | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------------|---|
| | 01 bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý | | | |
| | 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | |
| | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> <p>- Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.</p> | | | |
| 3.6 | Phí/Lệ phí | | | |
| | Theo quy định | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| B1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS (chuyển sang B2)</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Hướng dẫn công dân thực hiện.</p> | Công chức tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày | <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</p> |
| B2 | <p>Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng</p> | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|---|
| | phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | | | 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ theo Mục 3.2 |
| B3 | Thụ lý thẩm định hồ sơ theo các quy định pháp luật | | | |
| | B3.1. Hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| | - Soạn văn bản trả hồ sơ nói rõ lý do từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 01 ngày | |
| | - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên Phòng QHXD | 02 giờ | |
| | B3.2. Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: Chuyên viên Soạn Tờ trình báo cáo về hồ sơ; Bản sao giấy phép xây dựng. | Chuyên viên phòng QHXD | 01 ngày | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Bản sao giấy phép xây dựng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|----------|--|
| B4 | Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Bản sao giấy phép xây dựng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B5 | <p>Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Bản sao giấy phép xây dựng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B6 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyển kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên phòng QHXD | 02 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - GPXD, hoặc văn bản. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Sổ theo dõi hồ sơ |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | Như mục 4 (QT- 36) | | | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
 - Người đại diện:Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
Số nhà:đường (phố)..... phường (xã)
quận (huyện) tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
 2. Địa điểm xây dựng:
Lô đất số:Diện tích..... m².
Tại:đường:
phường (xã) quận (huyện)
tỉnh, thành phố:
 3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*
Nội dung Giấy phép:
-
 4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:
-
 5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.
 6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:
- 1 -
 - 2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

38. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (QT-38)

| | |
|-----|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định thống nhất trình tự và cách thức kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành).</p> |
| 2 | <p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công trình theo quy định tại Điều 24, 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng được phân công giải quyết TTHC, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC và các phòng liên quan thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này. |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021; Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 16/3/2020; Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 và Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội; - Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội - Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND Thành phố. |

| | | | | | |
|------------|--|---|------------------|--|---------|
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | | | Bản chính | Bản sao |
| | - Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; | | | x | |
| | - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. | | | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | | | |
| | 01 bộ hồ sơ | | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | | |
| | 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu. | | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận: | | | | |
| | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công. - Dịch vụ bưu chính công ích. | | | | |
| 3.6 | Lệ phí | | | | |
| | Không thu phí. | | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc: | | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm | |
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 0,5 ngày | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP). - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) | |
| B2 | Tiếp nhận, kiểm tra và phân công thụ lý hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công | Trưởng phòng QLQHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ theo Mục 3.2 | |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|----------|---|
| | chuyên viên thụ lý hồ sơ | | | |
| B3 | Giải quyết hồ sơ (lập kế hoạch tổ chức kiểm tra): | | | |
| | - Soạn thảo Kế hoạch kiểm tra tại hiện trường (nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung) và Soạn thảo văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý (nếu cần thiết) | Chuyên viên phòng QHXD | 1 ngày | Văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra tại hiện trường và văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý |
| | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý; | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký Kế hoạch kiểm tra tại hiện trường. <i>Thời gian có văn bản trả lời của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý không quá 2 ngày làm việc;</i> | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| | <u>B3.1 (trường hợp 1):</u> Hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định hoặc phải bổ sung, chỉnh sửa theo quy định: | | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (<i>Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| | - Sau khi kiểm tra thực địa và thẩm định hồ sơ tiến hành soạn văn bản trả hồ sơ hoặc đề nghị bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 5,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| | - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa. <i>(Thời gian để Chủ đầu tư hoàn thiện, bổ sung hồ sơ</i> | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|-----------|--|
| | <i>không quá 10 ngày)</i> | | | |
| | B3.2 (Trường hợp 2). Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | |
| | - Soạn thảo văn bản thông báo kết quả nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng | Chuyên viên phòng QHXD | 10,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B4 | Lãnh đạo phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B5 | Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|----------|--|
| B6 | Hoàn thiện hồ sơ: - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyển kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | - Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. - Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06): + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01). + Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02). + Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03). + Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04). + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05). + Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH,
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2).....

....(1)... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng(3)..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng:
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

PHỤ LỤC VIB

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).

3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.

4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.

6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.

9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.

10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;

c) An toàn môi trường;

d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);

e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;

h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).

12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).

15. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).

16. Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

Ghi chú:

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định này, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

39. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh (QT39).

| | |
|-----|---|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, đảm bảo các cán bộ, công chức giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: - Áp dụng đối với Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.</p> |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủ đô số 25/2012/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi Nghị định 27/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; |

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| | <p>- Các Thông tư: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 06/2013/TTBXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các thông tư hướng dẫn chuyên ngành có liên quan khác.</p> <p>- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Quyết định số 37/2017/QĐ -UBND ngày 21/11/2017, Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023, Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | - Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. | x | |
| | - Văn bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch của Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (Kèm các văn bản có liên quan việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư) | x | |
| | - Bản vẽ in màu theo quy định. | x | |
| | - Thuyết minh nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. | x | |
| | - Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết; | x | |
| | - Các văn bản pháp lý có liên quan (kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định); hồ sơ pháp nhân, năng lực của tổ chức tư vấn thiết kế, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì, thiết kế; | | x |
| | - Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 hoặc bản đồ hiện trạng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định) do cơ quan quản lý nhà nước về bản đồ cấp hoặc do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập, đảm bảo yêu cầu về chất | | x |

| | | | |
|------------|--|---|---|
| | lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. | | |
| | Số lượng hồ sơ | | |
| | 02 bộ hồ sơ (kèm file mềm (đĩa CD, DVD hoặc USB) có lưu các file bản vẽ theo định dạng AutoCad; các tài liệu khác theo định dạng pdf, jpg, doc, xls...). | | |
| 3.3 | Thời gian xử lý: 18 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | |
| 3.4 | Nơi tiếp nhận: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | |
| 3.5 | Lệ phí: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các quy định hiện hành khác có liên quan. | | |
| | Quy trình xử lý công việc: | | |
| 3.6 | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian |
| | Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| 3.7 | Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng tiếp nhận hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | Trưởng phòng | 0,5 ngày |
| TT | Thụ lý thẩm định hồ sơ theo các quy định pháp luật: | | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | B.1 (Trường hợp 1). Hồ sơ chưa đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Dự thảo văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên | 2,5 ngày |
| Bước 2 | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng | 0,5 ngày |
| | | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |
| | | | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung |

| | | | | |
|--------|--|--------------|----------|---|
| | | | | hồ sơ |
| Bước 3 | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 1 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |
| | B.2 (Trường hợp 2). Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | |
| | - Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ngành địa phương có liên quan để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến hồ sơ, Đồng thời báo cáo Trưởng phòng xem xét quyết định việc tổ chức lấy ý kiến Hội đồng thẩm định Quy hoạch xây dựng QHCT KCN (nếu cần) | Chuyên viên | 3 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản xin ý kiến |
| | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng | 1 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản lấy ý kiến. | Lãnh đạo Ban | 1 ngày | |
| | - Gửi văn bản kèm hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức có liên quan | Chuyên viên | 0,5 ngày | Văn bản đề nghị cho ý kiến về hồ sơ dự án gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan. |
| | Sau khi có ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và HĐTD QHXD KCN chuyên viên tổng hợp, đề xuất gồm 02 trường hợp: | | 6 ngày | |
| | a: Ý kiến của các cơ quan, tổ chức và HĐTD QHXD KCN chưa thống nhất, cần nghiên | | | |

| | | | |
|---|--------------|----------|--|
| <p>cứu chỉnh sửa hoàn thiện hoặc cần làm rõ: Quay lại bước B.4 (trường hợp 1).</p> | | | |
| <p>b: Ý kiến của các cơ quan, tổ chức thống nhất với hồ sơ của dự án: Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo thẩm định của Phòng QHXD.</p> | Chuyên viên | 3,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết |
| <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết |
| <ul style="list-style-type: none"> -Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. - Ký duyệt Quyết định và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng | Lãnh đạo Ban | 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy |

| | | | | |
|--------|-----------------|--|--|-----------------|
| | | | | hoạch chi tiết. |
| Bước 4 | Biểu mẫu | | | Không |

40. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh (QT40):

| | |
|-----|--|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định chi tiết trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đảm bảo các cán bộ, công chức giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: - Áp dụng đối với Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.</p> |
| 3 | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý: - Luật Thủ đô số 25/2012/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi Nghị định 27/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Các Thông tư: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ</p> |

| | | | |
|-----|---|------------------|----------------|
| | <p>nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 06/2013/TTBXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các thông tư hướng dẫn chuyên ngành có liên quan khác.</p> <p>- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Quyết định số 37/2017/QĐ -UBND ngày 21/11/2017, Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023, Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ: | Bản chính | Bản sao |
| | - Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. | x | |
| | - Văn bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch của Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (Kèm các văn bản có liên quan việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư) | x | |
| | - Bản vẽ in màu theo đúng tỷ lệ. | x | |
| | - Thuyết minh nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. | x | |
| | - Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; | x | |
| | - Các văn bản pháp lý có liên quan (kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định); hồ sơ pháp nhân, năng lực của tổ chức tư vấn thiết kế, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì, thiết kế; | | x |
| | - Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 hoặc bản đồ hiện trạng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định) do cơ quan quản lý nhà nước về bản đồ cấp hoặc do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập, đảm bảo yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy | | x |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|---|
| | định. | | | |
| | Số lượng hồ sơ | | | |
| | 02 bộ hồ sơ (kèm file mềm (đĩa CD, DVD hoặc USB) có lưu các file bản vẽ theo định dạng AutoCad; các tài liệu khác theo định dạng pdf, jpg, doc, xls...). | | | |
| 3.3 | Thời gian xử lý: 23 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 3.4 | Nơi tiếp nhận: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | | |
| 3.5 | Lệ phí: Thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các quy định hiện hành khác có liên quan. | | | |
| | Quy trình xử lý công việc: | | | |
| 3.6 | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | |
| | Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 0,5 ngày | |
| 3.7 | Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng tiếp nhận hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | Trưởng phòng | 0,5 ngày | |
| TT | Thụ lý thẩm định hồ sơ theo các quy định pháp luật: | | | Kết quả/Sản phẩm |
| Bước 1 | B.1 (Trường hợp 1). Hồ sơ chưa đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Dự thảo văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên | 2,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |
| Bước 2 | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |

| | | | | |
|--------|---|--------------|----------|---|
| Bước 3 | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 1 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |
| | - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ |
| | B.2 (Trường hợp 2). Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | |
| | - Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ngành, địa phương có liên quan để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến hồ sơ; Đồng thời báo cáo Trưởng phòng xem xét quyết định việc tổ chức lấy ý kiến Hội đồng thẩm định Quy hoạch xây dựng QHCT KCN (nếu cần) | Chuyên viên | 3 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản xin ý kiến |
| | - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng | 0,5 ngày | |
| | - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản lấy ý kiến. | Lãnh đạo Ban | 1 ngày | |
| | - Gửi văn bản kèm hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức có liên quan | Chuyên viên | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. |
| | Sau khi có ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và HĐTĐ QHXD KCN chuyên viên tổng hợp, đề xuất gồm 02 trường hợp: | | 7 ngày | - Văn bản đề nghị cho ý kiến về hồ sơ dự án gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan. |
| | a: Ý kiến của các cơ quan, tổ chức và HĐTĐ QHXD KCN chưa thống nhất, cần nghiên cứu chỉnh sửa hoàn thiện hoặc cần làm rõ: Quay lại bước B.1 (trường hợp 1) | | | |

| | | | | |
|--------|--|--------------|----------|---|
| | <p><u>b</u>: Ý kiến của các cơ quan, tổ chức thống nhất với hồ sơ của dự án:</p> <p>Tiếp nhận, thẩm định, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết.</p> | Chuyên viên | 7 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. |
| | Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. |
| | <p>Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <p>Ký duyệt Quyết định và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng</p> | Lãnh đạo Ban | 2 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. |
| | Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. - Thông báo nộp lệ phí thẩm định. |
| Bước 4 | Biểu mẫu | | | Không |

41. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (QT-49)

| | |
|-----|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định thống nhất trình tự và cách thức thẩm định, cấp giấy phép xây dựng mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Ban, các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện, kiểm soát tuân thủ quy trình này. |
| 3. | <p>Nội dung quy trình:</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; 2. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; 3. Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng; 4. Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 5. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân số 06/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020 và số 07/2023/NQ-HĐND ngày 4/7/2023 quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố. 6. Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 16/3/2020; Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 20/7/2022. |

| | | | |
|---|--|------------------|----------------|
| | 7. Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND Thành phố. 8. Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND Thành phố. | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 3.2.1 Đối với công trình không theo tuyến. | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; - <i>Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu.</i> | | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 04 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | | x |
| 3.2.2 Đối với công trình theo tuyến. | | | |
| 01 | <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”</p> | x | |
| 02 | <p>Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây | | x |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | |
| 04 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: + Sơ đồ vị trí tuyến công trình; + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; + Bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | x | |
| | 3.2.3. Đối với công trình tín ngưỡng | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | Văn bản của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng thuộc UBND cấp tỉnh; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng. | | x |
| 04 | Công trình tín ngưỡng thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. | | x |
| 05 | 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: | x | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề. | | |
| 3.2.4. Đối với công trình tôn giáo | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | x |
| 04 | Công trình tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. | | x |
| 05 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; | | x |

| | | | |
|--|---|---|---|
| | <p>- Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;</p> <p>- Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu.</p> | | |
| 06 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <p>+ Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án;</p> <p>+ Mặt bằng định vị công trình trên lô đất;</p> <p>+ Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình;</p> <p>+ Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng;</p> <p>+ Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình;</p> <p>+ Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> | x | |
| 3.2.5. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng. | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; Trường hợp đề nghị cấp GPXD có thời hạn thì tiêu đề của đơn được đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn” | x | |
| 02 | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | | x |
| 03 | <p>- Quyết định phê duyệt dự án;</p> <p>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</p> | | x |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | |
| 04 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | x | |
| 05 | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. - Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu. | | x |
| 3.2.6. Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế | | | |
| 01 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu; | x | |

| | | | |
|----|--|---|---|
| 02 | <p>Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình hiện hữu.</p> | | x |
| 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; | | x |
| 04 | <p>02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án; + Mặt bằng định vị công trình trên lô đất; + Bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; + Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; + Các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. | x | |

| | | | | |
|------------|--|---|------------------|---|
| 05 | Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam | | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ | | | |
| | 01 bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý | | | |
| | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | |
| | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | | | |
| 3.6 | Phí/Lệ phí | | | |
| | Thu theo quy định | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Kết quả/Sản phẩm |
| B1 | <p>Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện:</p> <p>Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn, Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn (chuyển sang B2).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Hướng dẫn công dân thực hiện.</p> | Công chức tiếp nhận tại Bộ phận một cửa | 0,5 ngày | <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>).</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> |
| B2 | Tiếp nhận, kiểm tra và phân công thụ lý hồ sơ: | Trưởng phòng | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu</i> |

| | | | | |
|-----------|---|-------------------------|----------|--|
| | Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyên đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ | QLQH XD | | <i>số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP)</i> - Hồ sơ theo Mục 3.2 |
| B3 | Giải quyết hồ sơ, kiểm tra thực địa: | | | |
| | B3.1. Kiểm tra hồ sơ và thực địa tại hiện trường và Soạn thảo văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý (nếu cần thiết). - Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý (Thời gian 0,5 ngày); - Thời gian có văn bản trả lời của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý không quá 2 ngày làm việc ; | Chuyên viên phòng QH XD | 4 ngày | - Biên bản kiểm tra; - Văn bản lấy ý kiến các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý |
| | B3.2. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định theo quy định | | | |
| | Sau khi kiểm tra thực địa, tiến hành soạn thảo văn bản thông báo lý do hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép theo quy định | Chuyên viên phòng QH XD | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| | - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QH XD | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu kiểm soát quá trình giải |

| | | | |
|--|------------------------|----------|--|
| | | | quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B3.3(Trường hợp 1). Sau khi kiểm tra thực địa, tổng hợp văn bản góp ý của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý và thẩm định hồ sơ tiến hành soạn văn bản trả hồ sơ hoặc đề nghị bổ sung hồ sơ, nói rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định. | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (<i>Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03 Thông tư</i> |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |

| | | | |
|---|------------------------|----------|--|
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | 01/2018/TT-VPCP) |
| <u>a. Tiếp nhận bổ sung lần 1:</u> Tiếp nhận hồ sơ đã được bổ sung theo thông báo, tiến hành rà soát thẩm định. Hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu theo thông báo, tiến hành soạn văn bản đề nghị tiếp tục bổ sung | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu yêu cầu |
| - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | bổ sung, hoàn thiện hồ sơ lần 2 (Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| <u>b. Tiếp nhận bổ sung lần 2:</u> Tiếp tục tiếp nhận hồ sơ đã được bổ sung theo thông báo lần 2, tiến hành rà soát thẩm định. Hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu theo thông báo lần 2, tiến hành soạn văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép | Chuyên viên phòng QHXD | 1,5 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| - Lãnh đạo phòng duyệt dự thảo và ký nháy. | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| - Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời. | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | |
| - Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa | Chuyên viên phòng QHXD | 0,5 ngày | |
| B3.4 (Trường hợp 2). Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định: | | | |

| | | | | |
|-----------|---|------------------------|----------|---|
| | Sau khi kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa (bao gồm cả trường hợp tiếp nhận các ý kiến chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu). Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành soạn dự thảo dự thảo Tờ trình và kết quả giải quyết | Chuyên viên phòng QHXD | 4,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B4 | Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban | Trưởng phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>) |
| B5 | <p>Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng (Chuyển sang bước 6) - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và đề nghị các hướng giải quyết (quay lại bước 3). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình báo cáo về các nội dung của hồ sơ, - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng. - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------|----------|---|
| | | | | quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| B6 | <p>Hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số, đóng dấu ban hành văn bản hoặc giấy phép xây dựng. - Chuyên kết quả xử lý tới Bộ phận TN&TK để trả kết quả cho công dân theo quy định. - Thực hiện lưu trữ theo quy định. | Chuyên viên Phòng QHXD | 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép xây dựng. - Thông báo nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng - Hồ sơ thiết kế - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP) |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Quyết định phê duyệt dự án theo mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu số 01-06): <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01). + Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02). + Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03). + Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04). + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05). + Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | |

V-LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH

1. Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (QT-44)

| | |
|-----|---|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các dự án đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: Các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND thành phố Hà Nội (<i>quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020</i>). <i>(Trường hợp các dự án đầu tư khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường lập Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và được thẩm định trong quá trình thẩm định Báo cáo ĐTM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường)</i></p> |
| 3 | <p>Nội dung quy trình</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm |

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| | <p>theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo ĐTM (<i>mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>). | x | |
| | 2. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; | x | |
| | 3. Báo cáo ĐTM (<i>mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>). | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <p>Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 38,5 ngày, cụ thể như sau:</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> Tối đa là 18,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM:</i> Tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định.</i></p> | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Địa chỉ: số 4 Vũ Trọng Khánh, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội) | | |

| | Các thức nhận hồ sơ: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|---|--------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|--|------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|---|-----------|-----------|-----------|------------|------------|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|---|-----------|-----------|-----------|------------|------------|--------------------------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|---------------------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|--|-----------|-----------|-----------|------------|------------|
| 3.6 | <p>Phí, Lệ phí: * Phí: Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ</i></p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm dự án</th> <th>Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng</th> <th>Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng</th> <th>Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng</th> <th>Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng</th> <th>Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường</td> <td>6.000.000</td> <td>6.500.000</td> <td>6.600.000</td> <td>10.000.000</td> <td>10.100.000</td> </tr> <tr> <td>Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng</td> <td>7.500.000</td> <td>8.100.000</td> <td>8.200.000</td> <td>12.500.000</td> <td>12.600.000</td> </tr> <tr> <td>Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật</td> <td>8.400.000</td> <td>9.100.000</td> <td>9.200.000</td> <td>14.000.000</td> <td>14.100.000</td> </tr> <tr> <td>Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</td> <td>8.600.000</td> <td>9.300.000</td> <td>9.500.000</td> <td>14.400.000</td> <td>14.500.000</td> </tr> <tr> <td>Nhóm 5: Dự án giao thông</td> <td>9.000.000</td> <td>9.700.000</td> <td>9.900.000</td> <td>15.000.000</td> <td>15.100.000</td> </tr> <tr> <td>Nhóm 6: Dự án công nghiệp</td> <td>9.400.000</td> <td>10.200.000</td> <td>10.300.000</td> <td>5.600.000</td> <td>15.700.000</td> </tr> <tr> <td>Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)</td> <td>6.000.000</td> <td>6.500.000</td> <td>6.600.000</td> <td>10.000.000</td> <td>10.100.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên, thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.</p> <p>* Lệ phí: Không.</p> | | | | | | Nhóm dự án | Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng | Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường | 6.000.000 | 6.500.000 | 6.600.000 | 10.000.000 | 10.100.000 | Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng | 7.500.000 | 8.100.000 | 8.200.000 | 12.500.000 | 12.600.000 | Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật | 8.400.000 | 9.100.000 | 9.200.000 | 14.000.000 | 14.100.000 | Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 8.600.000 | 9.300.000 | 9.500.000 | 14.400.000 | 14.500.000 | Nhóm 5: Dự án giao thông | 9.000.000 | 9.700.000 | 9.900.000 | 15.000.000 | 15.100.000 | Nhóm 6: Dự án công nghiệp | 9.400.000 | 10.200.000 | 10.300.000 | 5.600.000 | 15.700.000 | Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6) | 6.000.000 | 6.500.000 | 6.600.000 | 10.000.000 | 10.100.000 |
| Nhóm dự án | Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng | Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường | 6.000.000 | 6.500.000 | 6.600.000 | 10.000.000 | 10.100.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng | 7.500.000 | 8.100.000 | 8.200.000 | 12.500.000 | 12.600.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật | 8.400.000 | 9.100.000 | 9.200.000 | 14.000.000 | 14.100.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 8.600.000 | 9.300.000 | 9.500.000 | 14.400.000 | 14.500.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 5: Dự án giao thông | 9.000.000 | 9.700.000 | 9.900.000 | 15.000.000 | 15.100.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 6: Dự án công nghiệp | 9.400.000 | 10.200.000 | 10.300.000 | 5.600.000 | 15.700.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6) | 6.000.000 | 6.500.000 | 6.600.000 | 10.000.000 | 10.100.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/ Kết quả |
|----|---|--|------------|--|
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ → bàn giao Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường (TN&MT). - Văn thư Phòng Quản lý TN&MT trình Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT để phân công cán bộ thụ lý hồ sơ - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT phân công cho cán bộ thụ lý hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo Mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định hồ sơ: + Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ kèm theo điều kiện đã thực hiện tham vấn thông qua đăng tải trên Cổng thông tin điện tử (trang Web) của Ban Quản lý theo quy định (trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng - Lãnh đạo Ban | - 2,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến theo Mẫu số 04b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT |

| | | | | | |
|----|--|-------------------------------------|--|----------|---|
| | <p>mật Nhà nước).</p> <p>+ Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề trình Lãnh đạo Ban ký.</p> <p>+ Thông báo thu phí thẩm định.</p> <p>+ Văn bản xin ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.</p> <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình\ Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <p>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Phòng QL TN&MT.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p> | | | | |
| | | - Cán bộ một cửa | | | - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; | Cán bộ thụ lý | | - 1 ngày | |
| B4 | - Hội đồng thẩm định nghiên cứu hồ sơ - Đề xuất khảo sát thực tế (nếu cần thiết) trong trường hợp Báo cáo ĐTM của dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất hoặc các dự án có vướng mắc về thủ tục pháp lý liên quan đến địa điểm triển khai dự án. | - Hội đồng thẩm định | | - 5 ngày | - Bản nhận xét - Biên bản khảo sát thực tế (nếu có) theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT |
| B5 | Tổ chức họp Hội đồng Thẩm định Báo cáo ĐTM | - Cán bộ thụ lý. - Hội đồng thẩm | | - 1 ngày | - Giấy mời họp - Biên bản họp |

| | | | | |
|----|--|---|------------|--|
| | | định | | HĐTĐ theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT |
| B6 | - Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM kèm Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định và bản nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định gửi Chủ dự án đầu tư (<i>Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không quá 12 tháng kể từ ngày Chủ dự án đầu tư nhận được Thông báo kết quả thẩm định. Sau thời hạn này, việc thẩm định báo cáo ĐTM được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường</i>) | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý. | - 1 ngày | Thông báo kết quả thẩm định theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT |
| B7 | Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa, bổ sung → Văn thư Phòng QL TN&MT → cán bộ thụ lý. | - 1 cửa Ban Quản lý - Văn thư Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B8 | Kiểm tra hồ sơ: * Báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung <u>đạt yêu cầu</u> + Văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định (<i>đối với các Dự án đầu tư có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi</i>) - Cán bộ thụ lý dự thảo Tờ trình | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng | - 6 ngày | - Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Mẫu văn bản đồng |

| | | | | |
|----------|--|-----------------------|------------|--|
| | <p>và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM trình Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT</p> <p>* Trường hợp Báo cáo ĐTM bổ sung, chỉnh sửa <u>không đạt yêu cầu</u>: dự thảo văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết và nêu rõ lý do trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt</p> | | | <p>thuận của cơ quan nhà nước quản lý nhà nước về việc phê duyệt kết quả thẩm định theo mẫu số 04c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p> |
| B9 | UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo ĐTM | UBND thành phố Hà Nội | - 20 ngày | Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM |
| B10 | Nhận kết quả từ UBND thành phố Hà Nội và trả kết quả | - Một cửa Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Số theo dõi kết quả xử lý công việc |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo ĐTM thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Mẫu Cấu trúc và nội dung cụ thể của báo cáo ĐTM theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Mẫu Văn bản của cơ quan thẩm định Báo cáo ĐTM lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi theo Mẫu số 4b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>5. Mẫu Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM theo Mẫu số 4c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>6. Mẫu Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> | | | |

| | |
|--|---|
| | <p>trường</p> <p>7. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Mẫu Thông báo kết quả thẩm định theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>9. Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> |
|--|---|

2. Quy trình: Cấp giấy phép môi trường (QT-45)

| | |
|------------|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư nhóm II quy định tại Điều 39 của Luật BVMT năm 2020 và Dự án đầu tư nhóm III quy định tại Điều 39 của Luật BVMT năm 2020 nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên nằm trong các Khu công nghiệp; có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở sản xuất nằm trong các Khu công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. - Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật BVMT năm 2020 nằm trong các Khu công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. |
| 3 | <p>Nội dung quy trình</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| | <p>trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>); | x | |
| | 2. Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i> ; | x | |

| | | | |
|------------|---|--|---|
| | <p>+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: <i>mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</i></p> | | |
| | <p>3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).</p> | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | <p>Thời gian xử lý:</p> <p>Loại 1: Tối đa là 11,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>b) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>Loại 2: Đối với các trường hợp còn lại: Tối đa là 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p> | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Địa chỉ: số 4 Vũ Trọng Khánh, phường Mộ | | |

| | | | | |
|----------------------------|---|--|------------------|--|
| | <p>Lao, quận Hà Đông, Hà Nội)</p> <p>Các thức nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức 4 đối với Loại 1: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Loại 2: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính | | | |
| 3.6 | <p>Phí, Lệ phí:</p> <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng. | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| <u>3.7.1.Loại 1</u> | | | | |
| B1 | - Bộ phận 1 của Ban Quản lý kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) chuyển Văn thư Phòng TN&MT để trình Lãnh đạo phòng QL | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo | - 1 ngày | - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả |

| | | | | |
|----------|--|--|----------|---|
| | TN&MT phân công xử lý hồ sơ - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | | kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i> - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến các đơn vị có liên quan (nếu có) - Đăng tải nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường lên Trang thông tin điện tử của Ban <i>* Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</i> Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT/Ban Quản lý - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 3 ngày | - Thông báo nộp phí thẩm định - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến - Báo cáo đề xuất được đăng tải lên Trang thông tin điện tử Ban - Thông báo bổ sung hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |

| | | | | |
|----|---|---|------------|--|
| | + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 | | | |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Họp thẩm định - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ thẩm định - Cán bộ thụ lý/Lãnh đạo phòng/Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Biên bản họp thẩm định - Văn bản yêu cầu hoàn thiện hoặc trả hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường |
| B4 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở và chuyển về Phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Chủ dự án, cơ sở - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án, cơ sở |
| B5 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - 1,5 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử của Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách | - 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được |

| | | | | |
|----------------------|---|--|----------|--|
| | Quản lý | CNTT của Ban Quản lý | | đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |
| 3.7.2. Loại 2 | | | | |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Văn thư Phòng QL TN&MT - Văn thư Phòng QL TN&MT trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Trưởng phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu có); - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 3 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra |

| | | | |
|--|--|--|---|
| <p>quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</p> <p>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</p> <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình trình Lãnh đạo Phòng QLTN&MT, Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt.</p> <p>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> | | | <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều</p> |
|--|--|--|---|

| | | | | |
|----|--|--|-----------|--|
| | <p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p> | | | kiện giải quyết |
| B3 | <p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế.</p> <p>- Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra theo quy định.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ)</p> <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i></p> | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Lãnh đạo Phòng QL TN&MT.</p> <p>- Lãnh đạo Ban Quản lý</p> | - 12 ngày | <p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản họp, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ).</p> |

| | | | | |
|----------|--|--|------------|---|
| | | | | |
| B4 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Văn thư Phòng QL TN&MT để tiếp tục xử lý hồ sơ | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B5 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT | - 3 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ. | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 2 ngày | Tờ trình + Giấy phép môi trường/Văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | 1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi | | | |

| |
|--|
| <p>đi vào vận hành thử nghiệm (mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>3. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>4. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>5. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>6. Mẫu Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> |
|--|

3. Quy trình: Cấp đổi giấy phép môi trường (QT-46)

| | |
|------------|---|
| 1 | Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định. |
| 2 | Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường khi thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp. |
| 3 | Nội dung quy trình |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> |

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| | <p>trường;</p> <p>5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu văn bản quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>). | x | |
| | 2. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở. | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | <p>Thời gian xử lý:</p> <p>Tối đa 6,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p> | | |

| | | | | |
|-----------|--|---|------------------|--|
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4 | | | |
| 3.6 | Phí, Lệ phí: | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | <p>- Bộ phận 1 của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → chuyển Văn thư Phòng QL TN&MT để Lãnh đạo phòng QL TN&MT phân công xử lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng QL TN&MT phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.</p> | <p>- Cán bộ Một cửa</p> <p>- Văn thư Phòng QL TN&MT</p> <p>- Lãnh đạo Phòng QL TN&MT</p> <p>- Cán bộ thụ lý</p> | - 1 ngày | <p>- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2</p> <p>- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</p> <p>- Phiếu theo dõi</p> |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT</p> <p>- Lãnh đạo Ban</p> | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT xem xét.</p> <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>-Lãnh đạo phòng QL TN&MT</p> <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>-Lãnh đạo phòng QL</p> | - 4 ngày | <p>- Dự thảo Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ</p> <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình</p> |

| | | | | |
|----------|---|--|------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. + Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1 | TN&MT/Ban | | của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp đổi giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | Tờ trình + Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B4 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp đổi lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp đổi được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | 1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | |

45. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (QT-45)

| | |
|------------|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi:</p> <p>Chủ dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác. |
| 3 | Nội dung quy trình |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường. |

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| | <p>vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>); | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: Tối đa 9,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i> | | |

| | | | | |
|-----|--|--|------------------|---|
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4 | | | |
| 3.6 | <p>Phí, Lệ phí:</p> <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 6.850.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng. | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → chuyển Văn thư Phòng QL TN&MT trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT để phân công xử lý hồ sơ - Lãnh đạo phòng QL TN&MT phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện. | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |

| | | | | |
|----------|---|---|----------|---|
| | Phòng, Lãnh đạo Ban | TN&MT - Lãnh đạo Ban | | |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Gửi Văn bản xin ý kiến (nếu có) - Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT xem xét <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <p>+ Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý -Lãnh đạo phòng QL TN&MT/Ban - Chủ dự án, cơ sở | - 7 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến (nếu có) - Dự thảo Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý -Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | Tờ trình + Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ |

| | | | | |
|----------|---|--|------------|--|
| | | | | |
| B4 | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp điều chỉnh lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp điều chỉnh được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>2. Mẫu Giấy phép môi trường điều chỉnh theo mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</p> | | | |

46. Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường (QT-46)

| | |
|----------|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường khi thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</p> <p>b - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và</p> |

| | |
|------------|--|
| | <p>chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>c - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</p> <p>d - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.</p> |
| 3 | Nội dung quy trình |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố |

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| | <p>ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>); | x | |
| | 2. Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở. | x | |
| | 3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <p>- Loại 1: Tối đa 14,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a và điểm c tại Mục 2. Phạm vi;</p> <p>- Loại 2: Tối đa 19,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi,</p> <p>- Loại 3: Tối đa 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi, dự án thuộc các trường hợp sau đây:</p> | | |

| | |
|-----|---|
| | <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p> |
| 3.5 | <p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội</p> <p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Địa chỉ: số 4 Vũ Trọng Khánh, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội)</p> <p>Các thức nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức 4 đối với Loại 3: <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 1, 2: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính |
| 3.6 | <p>Phí, Lệ phí:</p> <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số |

| | | | | |
|----------------------------|---|--|------------------|--|
| | 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng. | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| <u>3.7.1.Loại 1</u> | | | | |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa Ban - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu có); - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý; | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 2 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Công thông tin điện tử Ban |

| | | | |
|---|--|--|---|
| <p>- Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</p> <p>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</p> | | | <p>- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo bố</p> |
|---|--|--|---|

| | | | | |
|----|--|--|----------|--|
| | <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <p>+ Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1</p> | | | <p>sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p> |
| B3 | <p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế.</p> <p>- Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra theo quy định.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ)</p> <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công</i></p> | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Lãnh đạo Phòng QL TN&MT.</p> <p>- Lãnh đạo Ban Quản lý</p> | - 8 ngày | <p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản họp, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p> |

| | | | | |
|----|--|--|------------|---|
| | <i>việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i> | | | |
| B4 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Văn thư Phòng QL TN&MT để tiếp tục xử lý hồ sơ | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B5 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT | - 1,5 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ. | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | Tờ trình + Giấy phép môi trường/Văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | - Chuyên kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp lại lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp lại được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |

| 3.7.2. Loại 2 | | | | |
|----------------------|--|--|----------|---|
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Văn thư Phòng QL TN&MT để trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT phân công xử lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B3 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu có); - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên Web của Ban Quản lý; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 2 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Công thông tin điện tử Sở - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra |

| | | | |
|---|--|--|--|
| <p><i>động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i></p> <p><i>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i></p> <p><i>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</i></p> <p><i>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</i></p> <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Phòng QLTN&MT, Lãnh đạo</p> | | | <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh</p> |
|---|--|--|--|

| | | | | |
|----|--|--|-----------|--|
| | <p>Ban phê duyệt.</p> <p>+ Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1</p> | | | <p>sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p> |
| B4 | <p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế.</p> <p>- Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra theo quy định.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ)</p> <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i></p> | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Lãnh đạo Phòng QL TN&MT.</p> <p>- Lãnh đạo Ban Quản lý</p> | - 12 ngày | <p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản họp, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p> |

| | | | | |
|-----------------------------|--|--|------------|---|
| | | | | |
| B5 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyên về Văn thư Phòng QL TN&MT để tiếp tục xử lý hồ sơ | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B6 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT | - 1,5 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ. | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 2 ngày | Tờ trình + Giấy phép môi trường /Văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B8 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp lại lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp lại được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |
| <u>3.7.3. Loại 3</u> | | | | |
| B1 | - Bộ phận 1 cửa Ban Quản lý kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) chuyển Văn thư Phòng TN&MT để trình Lãnh | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng | - 1 ngày | - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận |

| | | | | |
|----------|--|--|----------|---|
| | đạo phòng QL TN&MT phân công xử lý hồ sơ - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | | hồ sơ và hện trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i> - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến các đơn vị có liên quan (nếu có); - Đăng tải nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường lên Trang thông tin điện tử của Ban <i>* Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</i> Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT/Ban Quản lý - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 2 ngày | - Thông báo nộp phí thẩm định - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến - Báo cáo đề xuất được đăng tải lên Trang thông tin điện tử Ban - Thông báo bổ sung hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |

| | | | | |
|----|---|---|------------|--|
| | <p>hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p> | | | |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Họp thẩm định - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ thẩm định - Cán bộ thụ lý/Lãnh đạo phòng/Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Biên bản họp thẩm định - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định. |
| B4 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở và chuyển về Phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Chủ dự án, cơ sở - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án, cơ sở |
| B5 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - 2 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | Giấy phép môi trường/Văn bản thông báo trả hồ sơ |

| | | | | |
|---|---|--|------------|---|
| B7 | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp lại lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp lại được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 3. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 4. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 5. Mẫu Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | | |

B. NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN**47. Thủ tục Cấp giấy phép môi trường (QT-47)**

| | |
|------------|--|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư nhóm III trong các Khu công nghiệp có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các Khu công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. |
| 3 | Nội dung quy trình |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội |

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| | <p>về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Các Quyết định của UBND các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND quận/huyện;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); | x | |
| | <p>- 01 Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</i></p> | x | |
| | 2. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |

| | |
|-------------------|---|
| | <p>Loại 1: Tối đa 11,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>b) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>Loại 2: Tối đa 21,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p> |
| <p>3.5</p> | <p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Địa chỉ: số 4 Vũ Trọng Khánh, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội)</p> <p>Các thức nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức 4 đối với Loại 1: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. + Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Loại 2: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính |
| <p>3.6</p> | <p>Phí, Lệ phí:</p> <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng. |

| 3.7 Quy trình xử lý công việc | | | | |
|--------------------------------------|--|--|------------------|--|
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| <u>3.7.1.Loại 1</u> | | | | |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Tổ thẩm định - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên trang Web của Ban Quản lý - Xin ý kiến của các đơn vị có liên quan (nếu có); - Thông báo nộp phí thẩm định <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT/Ban Quản lý | - 3 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều |

| | | | | |
|----|---|---|------------|--|
| | <p>sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p> | | | kiện giải quyết |
| B3 | <p>- Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định</p> <p>- Tổ chức họp thẩm định</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ)</p> | - Tổ thẩm định | - 4 ngày | <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định</p> <p>- Biên bản họp thẩm định</p> <p>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định</p> |
| B4 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ | <p>- Cán bộ Một cửa</p> <p>- Cán bộ thụ lý</p> | - 0,5 ngày | Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án |
| B5 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng QL TN&MT</p> | - 1,5 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ | <p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo Ban Quản lý</p> | - 1 ngày | - Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | <p>- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả</p> <p>- Đăng tải GPMT lên trang Web của Ban Quản lý</p> | <p>- Cán bộ Một cửa</p> <p>- Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý</p> | - 0,5 ngày | <p>- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc</p> <p>- GPMT được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý</p> |

| 3.7.2. Loại 2 | | | | |
|----------------------|--|--|----------|---|
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | 04 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên trang Web của Ban Quản lý; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu có); - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 3 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đề xuất CPMT được công khai lên trang Web của Ban Quản lý - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> |

| | | | | |
|----|---|--|------------|---|
| | <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra thẩm định, nghiên cứu hồ sơ. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ) <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra | - 14 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, biên bản họp thẩm định, biên bản khảo sát theo quy định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định. |
| B4 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT | <ul style="list-style-type: none"> Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B5 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - 1,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |

| | | | | |
|----------|---|--|------------|--|
| | QL TN&MT | | | |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ. | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | - Giấy phép môi trường /Văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT lên trang Web của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên trang Web của Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Mẫu Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> | | | |

48. Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường (QT-48)

| | |
|------------|--|
| 1 | <p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp đổi giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở nhóm III trong các Khu công nghiệp đã được cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường khi thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp.</p> |
| 3 | <p>Nội dung quy trình</p> |
| 3.1 | <p>Cơ sở pháp lý</p> |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội; 9. Các Quyết định của UBND các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|---|
| | quận/huyện; 10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao | |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>). | x | | |
| | 2. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở. | | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | | |
| | Tối đa 6,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i> | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4 | | | |
| 3.6 | Phí, Lệ phí: | | | |
| | Không | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | - Bộ phận 1 cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → chuyển Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện. | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |

| | | | | |
|----------|---|---|----------|---|
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <p>Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh QL đạo phòng TN&MT xem xét</p> <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <p>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p> | <p>Cán bộ thụ lý</p> <p>-Lãnh đạo phòng QL TN&MT</p> | - 4 ngày | <p>- Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường</p> <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p> |
| B3 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp đổi giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | - Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ |

| | | | | |
|----------|--|--|------------|---|
| B4 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp đổi lên trang Web của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Số theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp đổi được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | 1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | |

49. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (QT-49)

| | |
|------------|---|
| 1 | Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định. |
| 2 | Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở nhóm III trong các Khu công nghiệp cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác. |
| 3 | Nội dung quy trình |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý |
| | 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; |

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| | <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Các Quyết định của UBND các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND quận/huyện;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>); | x | |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | Tối đa 9,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | | |

| | | | | |
|------------|---|--|------------------|---|
| | <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i> | | | |
| 3.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4 | | | |
| 3.6 | Phí, Lệ phí: | | | |
| | <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 3.300.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng. | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → chuyển Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện. | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |

| | | | | |
|----|---|---|------------|--|
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Gửi Văn bản xin ý kiến (nếu có) - Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT xem xét <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 | <p>Cán bộ thụ lý</p> <p>-Lãnh đạo phòng QL TN&MT</p> | - 7 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến (nếu có) - Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B4 | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp điều chỉnh lên Cổng thông tin điện | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách | - 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp |

| | | | | |
|----------|--|----------------------|--|---|
| | từ Ban Quản lý | CNTT của Ban Quản lý | | điều chỉnh được đăng tải trên trang Web của Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | 1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | |

50. Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường (QT-50)

| | |
|------------|--|
| 1 | <p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p> |
| 2 | <p>Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường khi thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a- Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</p> <p>b- Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>c - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</p> <p>d- Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.</p> |
| 3 | Nội dung quy trình |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; |

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| | <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>9. Các Quyết định của UBND các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND quận/huyện;</p> <p>10. Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.</p> | | |
| 3.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | 1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>); | x | |
| | <p>2. Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ</i> | x | |

| | | | |
|------------|--|--|---|
| | <p><i>lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i></p> <p>+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</i></p> | | |
| | <p>3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).</p> | | x |
| 3.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 3.4 | Thời gian xử lý: | | |
| | <p>- Loại 1: Tối đa 14,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a và điểm c tại Mục 2. Phạm vi;</p> <p>- Loại 2: Tối đa 19,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi,</p> <p>- Loại 3: Tối đa 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi, dự án thuộc các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p> | | |
| 3.5 | <p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Địa chỉ: số 4 Vũ Trọng Khánh, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội)</p> <p>Các thức nhận hồ sơ:</p> <p>- Thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức 4 đối với Loại 3:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.</p> | | |

| | | | | |
|----------------------------|--|--|------------------|---|
| | <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Loại 1, 2: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> | | | |
| 3.6 | Phí, Lệ phí: | | | |
| | <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng.</p> <p>- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.</p> | | | |
| 3.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| <u>3.7.1.Loại 1</u> | | | | |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |

| | | | | |
|----------|---|--|----------|--|
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên trang Web của Ban Quản lý; - Thông báo nộp phí thẩm định - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu có); - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ. | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 2 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đề xuất CPMT được công khai lên trang Web của Ban Quản lý - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |

| | | | | |
|----|---|--|------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 | | | |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế đối với dự án đầu tư, cơ sở. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ) <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT/Ban Quản lý - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra | - 8 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, họp thẩm định, khảo sát theo quy định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định. |
| B4 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT | Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B5 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - 1,5 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ. | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | - Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phân phụ lục ban hành kèm |

| | | | | |
|-----------------------------|--|--|------------|---|
| | | | | <i>theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/Vấn bản thông báo trả hồ sơ</i> |
| B7 | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT cấp lại lên trang Web của Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT Ban Quản lý | - 0,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT cấp lại được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý |
| <u>3.7.2. Loại 2</u> | | | | |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | - 1 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên trang Web của Ban Quản lý; - Thông báo nộp phí thẩm định - Gửi Văn bản xin ý kiến đến | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 2 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đề xuất CPMT được công khai lên trang Web của Ban Quản lý - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ |

| | | | | |
|----|--|---|-----------|--|
| | <p>các cơ quan có liên quan (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 | Quản lý | | <p>quan có liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra thẩm định, nghiên cứu hồ sơ - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT/UBND cấp huyện - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra | - 12 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, họp thẩm định, khảo sát theo quy |

| | | | | |
|----------------------|---|--|------------|--|
| | hồ sơ) (<i>Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này</i>). | | | định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định. |
| B4 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT | Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Đủ số lượng hồ sơ theo quy định |
| B5 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - 2 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ. | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1,5 ngày | - Giấy phép môi trường (<i>mẫu số 40 Phụ lục II phân phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)/Văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT cấp lại lên trang Web của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT cấp lại được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý |
| 3.7.3. Loại 3 | | | | |
| B1 | - Bộ phận 1 cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng QL TN&MT - Lãnh đạo | - 1 ngày | - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả |

| | | | | |
|----------|--|---|----------|---|
| | giao việc cho cán bộ thụ lý | phòng QL TN&MT - Cán bộ thụ lý | | kết quả. - Phiếu theo dõi |
| A | Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết | | | |
| | Cán bộ thụ lý dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Ban | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Ban | - 4 ngày | Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B | Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Tổ thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến của các đơn vị có liên quan (nếu có); <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT/Ban Quản lý | - 2 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến; - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết |
| B3 | <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổ chức họp thẩm định | - Tổ thẩm định | - 4 ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Biên bản họp thẩm định |

| | | | | |
|----------|---|--|------------|---|
| | - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định (hoàn thiện hoặc trả hồ sơ) | | | - Văn bản thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định |
| B4 | - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng QL TN&MT xử lý hồ sơ | - Cán bộ Một cửa - Cán bộ thụ lý | - 0,5 ngày | Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án |
| B5 | - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng QL TN&MT | - 2 ngày | Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B6 | - Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ | - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý | - 1 ngày | - Giấy phép môi trường (<i>mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)/ văn bản thông báo trả hồ sơ |
| B7 | - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT cấp lại lên trang Web của Ban Quản lý | - Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT của Ban Quản lý | - 0,5 ngày | - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT cấp lại được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý |
| 4 | Biểu mẫu | | | |
| | <p>1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Mẫu Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> | | | |